

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023 và Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung)



NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm)

Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp tại các tổ chức dưới đây từ ngày/...../.....

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 242 897

Fax: (028) 38 242 997

Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Phạm Văn Đầu

Chức vụ: Giám đốc Tài chính – HDBank

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023 và Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung)

**NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên trái phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 (HDBC7Y263301) (“Trái Phiếu”).

Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mã trái phiếu: HDB126016

Mệnh giá: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

Tổng số lượng trái phiếu đăng ký niêm yết: 22.822.000 (Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) Trái Phiếu.

Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá: 2.282.200.000.000 VND (Hai nghìn hai trăm tám mươi hai tỷ hai trăm triệu đồng).

Lãi suất: Lãi suất Trái Phiếu (“Lãi Suất”) là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%/năm (Hai phẩy năm phần trăm một năm).

Trong đó:

- “**Lãi Suất Tham Chiếu**” dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (Mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (“**website**”) của 04 (Bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến bốn chữ số ở phần thập phân sau dấu phẩy.
- “**Kỳ Tính Lãi**” là khoảng thời gian định kỳ 01 (Một) năm/lần kể từ Ngày phát hành Trái Phiếu.
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu của Đợt chào bán; và (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó.

Kỳ hạn trái phiếu: 07 (Bảy) năm.

Ngày phát hành: 20/03/2026

Ngày đáo hạn: 20/03/2033

Để nắm rõ đầy đủ toàn bộ Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Quý Nhà Đầu Tư vui lòng xem nội dung tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 552/GCN-UBCK được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2025 và một số thông tin cơ bản của Trái Phiếu được niêm yết tại Mục VI - "TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT" của Bản Cáo Bạch này.

Các đối tác liên quan tới việc đăng ký niêm yết:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024:

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 230 796

Website: www.pwc.com/vn

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 7105 0000

Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 242 897

Fax: (028) 38 242 997

Website: www.ssi.com.vn

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:	5
2. Tổ Chức Tư Vấn:.....	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù	8
4. Rủi ro quản trị Ngân hàng.....	11
5. Rủi ro khác	12
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	16
1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	18
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	21
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	22
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	29
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	30
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	42
8. Hoạt động kinh doanh.....	43
9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên	70
10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng	71
11. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại	89
12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	89
13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	91
14. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	91

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	92
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	92
2. Tình hình tài chính	97
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.. ..	110
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	111
VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	113
1. Tên Trái Phiếu.....	113
2. Loại Trái Phiếu.....	113
3. Mệnh giá Trái Phiếu	113
4. Tổng số Trái Phiếu đăng ký niêm yết.....	113
5. Tổng giá trị Trái Phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá	113
6. Kỳ hạn Trái Phiếu.....	113
7. Ngày phát hành Trái Phiếu	113
8. Ngày đáo hạn Trái Phiếu	113
9. Lãi suất Trái Phiếu	113
10. Kỳ trả lãi, gốc Trái Phiếu.....	114
11. Xếp hạng tín nhiệm	114
12. Quyền của người sở hữu Trái Phiếu.....	114
13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu	115
14. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn	116
15. Mục đích chào bán Trái Phiếu	117
16. Phương pháp tính giá.....	118
17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	120
18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu	121
19. Cam kết về bảo đảm	122
20. Thông tin về các cam kết.....	122
21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài	122
22. Các loại thuế có liên quan.....	123
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	125
1. Tổ Chức Kiểm Toán.....	125
2. Tổ Chức Tư Vấn, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.....	125
VIII. PHỤ LỤC.....	126

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”)

(Ông) Kim Byounggho – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

(Ông) Nguyễn Hữu Đăng – Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Ông) Phạm Văn Đầu – Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (“SSI”)

Người đại diện được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Chức vụ: Giám đốc Tài chính

(Theo Giấy ủy quyền số 10/2025/UQ-SSI ngày 01/08/2025 do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ủy quyền cho Ông Nguyễn Đức Thông và Giấy ủy quyền số 27/2025/UQ-SSI ngày 01/08/2025 do Ông Nguyễn Đức Thông – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Thanh Hà)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu do SSI tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn số HD_NHDT-HO/POB/1027/2025 ký ngày 27/10/2025 với HDBank. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do HDBank cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

a) Về GDP

Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế; khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

GDP năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011 – 2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011 – 2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011 – 2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Những cải cách kinh tế và chính trị từ giai đoạn đổi mới bắt đầu từ năm 1986 đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo trên thế giới đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Mặc dù vậy, HDBank không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của HDBank.

b) Về lạm phát

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiểm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô.

Năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân đạt 3,25%, hoàn thành mục tiêu Quốc hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/07/2023; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện.

Năm 2024, CPI bình quân tăng 3,63% so với năm 2023, lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, HDBank không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của HDBank gia tăng. Nếu HDBank không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của HDBank. Ngoài ra, không thể chắc chắn rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách kiềm chế lạm phát một cách quyết liệt và mạnh mẽ, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá của một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ quản lý, kiểm soát.

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, trực tiếp tác động tới chi phí đầu vào của các ngành kinh doanh khác, đồng thời chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các rủi ro khách quan và nội tại của nền kinh tế, bất kỳ một sự thay đổi kinh tế nào cũng có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán của HDBank. Tuy nhiên, HDBank hàng năm đều nghiên cứu, phân tích và dự báo triển vọng kinh tế vĩ mô và vi mô để đưa ra các kịch bản hoạt động Ngân hàng tương ứng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng TMCP như HDBank.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15, và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Luật các TCTD được ban hành ngày 18/01/2024 được kỳ vọng sẽ góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về tổ chức hoạt động của TCTD, xử lý những vướng mắc, bất cập của Luật các TCTD cũ; hoàn thiện khung pháp lý về xử lý TCTD gặp rủi ro thanh toán; luật hóa một số quy định về xử lý nợ xấu của các TCTD. Sau khi Luật các TCTD mới được ban hành, dự kiến Chính phủ và NHNN sẽ sớm ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt

động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có HDBank trong thời gian tới sẽ tiếp tục có những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, HDBank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng và đặt việc tuân thủ lên hàng đầu trong mọi quyết định hoạt động kinh doanh. Đồng thời, HDBank đã xây dựng Phòng Pháp chế thuộc Hội sở và các Phòng chính sách thuộc các Khối nghiệp vụ tại Hội sở. Phòng Pháp chế có trách nhiệm theo dõi, cập nhật pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới/thay đổi trong toàn Ngân hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, trong vận hành hoạt động hỗ trợ tín dụng, HDBank đã thành lập các Trung tâm quản lý & hỗ trợ tín dụng, thực hiện công tác pháp lý chứng từ, nhằm tập trung kiểm soát hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cho các khoản cấp tín dụng và giao dịch bảo đảm. HDBank cũng đã xây dựng hệ thống biểu mẫu cho các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, cho các giao dịch với khách hàng và không ngừng rà soát định kỳ hệ thống và chuẩn hóa bộ mẫu biểu, phù hợp quy định pháp luật, an toàn cho giao dịch và phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Ngoài ra, HDBank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp; đồng thời kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để quy định chi tiết, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng. Đối với các giao dịch có giá trị lớn, phức tạp hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài, HDBank thường chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo tính pháp lý của giao dịch phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có thể xảy ra do khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thanh toán theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với HDBank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc dịch bệnh gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của HDBank và đòi hỏi HDBank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng, HDBank triển khai chặt chẽ công tác quản trị rủi ro tín dụng xuyên suốt từ Hội sở đến các Đơn vị kinh doanh:

- Cơ cấu tổ chức liên quan hoạt động cấp tín dụng chặt chẽ từ Phòng giao dịch đến Chi nhánh, Khu vực, Hội sở đảm bảo nguyên tắc độc lập giữa các khâu Quan hệ Khách hàng – Thẩm định – Phê duyệt – Giải ngân – Quản lý và Xử lý nợ.
- Cơ chế phê duyệt chủ yếu tập trung về Hội sở và phân quyền phê duyệt cụ thể cho các cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Hệ thống sản phẩm tín dụng, quy định tín dụng, các quy trình liên quan cấp tín dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, nhằm đảm bảo thực hiện theo chuẩn mực, mẫu biểu, thời gian, trách nhiệm cụ thể.
- Thiết lập hệ thống xếp hạng tín dụng (do công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) và Hướng dẫn thẩm định tín dụng theo thông lệ quốc tế, nhằm đánh giá chính xác mức độ tin cậy và tính khả thi của phương án vay vốn của khách hàng.
- Thiết lập hệ thống các giới hạn cấp tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với một khách hàng, một nhóm khách hàng liên quan, một ngành nghề, hoặc một mục đích sử dụng vốn vay cụ thể.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát giải ngân từng khoản vay, giám sát từ xa, kiểm tra khách hàng sau cho vay, kiểm tra tại chỗ các chi nhánh ... nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro và dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của từng khách hàng, bên cạnh việc kiểm tra, định giá lại tài sản đảm bảo thường xuyên.

b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường.

HDBank thực hiện việc kiểm soát rủi ro thị trường trên nguyên tắc độc lập giữa đơn vị thực hiện giao dịch và đơn vị kiểm soát rủi ro. Công tác kiểm tra, giám sát, đo lường trạng thái rủi ro và xây dựng các kịch bản kiểm thử được thực hiện thường xuyên, liên tục. Hệ thống các hạn mức rủi ro thị trường liên tục được rà soát, điều chỉnh hoặc thiết lập các hạn mức mới đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành cũng như thực tế hoạt động và kiểm soát độc lập đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế rủi ro cho Ngân hàng.

c) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất là rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả, giá trị cam kết ngoại bảng của HDBank và chịu tác động bởi các yếu tố khác như cấu trúc, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của tài sản nợ và tài sản có.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

HDBank quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, Phòng Quản lý tài sản nợ & có nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả với chênh lệch lãi suất ròng (NIM)

hiệu quả nhất, đồng thời hạn chế rủi ro lãi suất.

d) Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro có thể xảy ra do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với HDBank. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát từ các nguyên nhân như: do cán bộ nhân viên (sai sót khi tác nghiệp hoặc khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cố tình gian lận); do hệ thống máy móc thiết bị/công nghệ thông tin bị hư hỏng; do hệ thống quy định/quy trình không hiệu quả; hoặc do bên ngoài tác động (thiên tai, bất khả kháng, kẻ gian v.v.).

Để hạn chế rủi ro trên, HDBank đã triển khai Khung quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm: chủ động rà soát hệ thống quy định/quy trình nhằm phát hiện sớm rủi ro (RCSA); Tổ chức thu thập sự cố đã xảy ra và rút kinh nghiệm phòng chống (LDC); Xây dựng các Chỉ số rủi ro chính để giám sát các dấu hiệu rủi ro tiềm ẩn (KRI); Xây dựng các kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục để sẵn sàng ứng phó những tình huống khẩn cấp (BCP); Tổ chức giám sát các hoạt động đáng ngờ để phát hiện sai sót, gian lận nếu có (SAM).

HDBank đã ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp và khung kỷ luật đối với từng mức độ vi phạm nhằm định hướng và răn đe việc không tuân thủ. Bên cạnh đó, HDBank đã thường xuyên tổ chức đào tạo, truyền thông về ý thức quản lý rủi ro và phương pháp quản lý rủi ro cho toàn thể cán bộ nhân viên từ cấp nhân viên đến cấp quản lý.

e) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro có thể xảy ra do HDBank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường để thực hiện nghĩa vụ đó.

Rủi ro thanh khoản được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số tiền ngân hàng thu về (tài sản có), so với tổng số tiền ngân hàng phải chi trả (tài sản nợ), còn gọi là chênh lệch kỳ hạn thu chi. Chênh lệch này xảy ra do nhiều nguyên nhân: (i) người gửi tiền và/hoặc người vay tiền không thực hiện đúng thời hạn rút tiền/trả tiền; (ii) ngân hàng muốn đa dạng hóa và tối đa hóa kỳ hạn huy động, kỳ hạn cho vay dùng các khoản huy động ngắn hạn (có lãi suất thấp và luôn sẵn có) để cho vay trung dài hạn (có lãi suất cao và nguồn thường không nhiều).

HDBank quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, Phòng Quản lý tài sản nợ & có nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ hạn nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả nhất đồng thời hạn chế rủi ro thanh khoản. Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và luôn tuân thủ các quy định về các chỉ số và quản lý thanh khoản của NHNN.

Bên cạnh đó, HDBank cũng đã xây dựng Kế hoạch phòng chống khủng hoảng thanh khoản, trong đó xác định các nguồn vốn dự phòng, các thủ tục và nguyên tắc thực hiện, các cấp thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời, hiệu quả.

f) Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro có thể xảy ra do hoạt động kinh doanh của HDBank tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực

kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của HDBank.

Để phòng ngừa rủi ro tập trung, HDBank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục tín dụng nhằm phân tán rủi ro. Theo đó, cơ cấu các ngành nghề lĩnh vực trong nền kinh tế luôn được Ngân hàng chú trọng và phân bổ. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng thiết lập hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, khách hàng và người có liên quan/ ngành/ lĩnh vực kinh tế phù hợp với các quy định của NHNN và quy định nội bộ của HDBank; đồng thời, thường xuyên theo dõi cơ cấu danh mục tín dụng đa chiều, tình hình thực hiện hạn mức để có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với các giao dịch kỳ hạn, các khoản cam kết cho vay, các khoản bảo lãnh L/C có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của HDBank. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết nêu trên, thì HDBank buộc phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng. Lúc đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả nợ trả thay (còn gọi là khoản cho vay bắt buộc) và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản vay quá hạn.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh/cam kết cấp tín dụng.

h) Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động tỷ giá đối với trạng thái ngoại hối của HDBank. Trạng thái ngoại hối là chênh lệch giữa tổng tài sản có và tổng tài sản nợ của từng loại ngoại tệ/vàng, bao gồm cả các cam kết ngoại bảng tương ứng.

Để hạn chế rủi ro này, HDBank đã xây dựng quy trình kinh doanh ngoại hối thông qua ba khâu độc lập: Kinh doanh (Front) – Kiểm soát (Middle) – Hỗ trợ (Back) và thiết lập chính sách quản lý tập trung, các giao dịch với khách hàng trên hạn mức đều được thực hiện cân bằng trạng thái với Hội sở chính, cuối ngày toàn bộ trạng thái ngoại hối tại chi nhánh được chuyển về Hội sở chính. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành ban hành các hạn mức cho rủi ro ngoại hối phù hợp với khẩu vị rủi ro của ngân hàng như hạn mức giao dịch với đối tác trong ngày, hạn mức trạng thái cuối ngày, hạn mức dừng lỗ (stoploss) v.v.

4. Rủi ro quản trị Ngân hàng

Quản trị ngân hàng liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty trong các mối quan hệ giữa Ban TGD, HĐQT và các cổ đông của Ngân hàng với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị ngân hàng thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của HDBank. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của HDBank phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với HDBank. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của HDBank.

Để giảm thiểu rủi ro, HDBank luôn chủ động tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị nội bộ, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Đồng thời, HDBank luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công ty đại chúng quy mô lớn trong việc công khai, minh bạch và công bố thông tin định kỳ, bất thường về quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Rủi ro khác

a) *Rủi ro liên quan tới Trái phiếu*

Trái Phiếu là nợ thứ cấp, không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ nợ thứ cấp của HDBank) hiện tại và trong tương lai của HDBank.

Do đó, trong trường hợp HDBank phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của HDBank. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (hiện tại và trong tương lai) của HDBank. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà HDBank có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, cụ thể:

- Trái Phiếu chỉ được HDBank mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành và báo cáo NHNN để giám sát; và
- HDBank được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của HDBank bị lỗ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng Trái Phiếu sẽ được giao dịch sôi động như kỳ vọng của HDBank. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của HDBank và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm HDBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với các Trái Phiếu đang phát hành) hoặc các công cụ

tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

Lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế

Việc thanh toán lãi đối với Trái Phiếu có thể bị khấu trừ hoặc khấu lưu thuế nếu pháp luật có yêu cầu.

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu

Lãi suất của Trái Phiếu được áp dụng thả nổi theo công thức đã quy định. Do đó, lãi suất của Trái Phiếu có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) theo như diễn biến của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng như diễn biến thị trường trong từng giai đoạn tại thời điểm xác định lãi suất.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do TCTD và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với trái phiếu do TCTD và doanh nghiệp phát hành và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với Trái Phiếu.

Bảo hiểm tiền gửi

Nhà Đầu Tư cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

b) *Rủi ro sự kiện bất khả kháng*

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank. Nhằm ứng phó với các rủi ro bất khả kháng ở trên, Ngân hàng đã thiết lập các kịch bản ứng phó với từng trường hợp nhằm sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp xảy ra.

c) *Rủi ro khác tại Việt Nam*

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của HDBank có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank.

Hạn chế chuyển tài sản về nước

Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại TCTD được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Bất kỳ khác biệt nào trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch này giữa các hạng mục số tiền được liệt kê và Tổng số tiền đó hoặc các hạng mục số tỷ lệ phần trăm được liệt kê và Tổng số tỷ lệ phần trăm là do việc làm tròn số. Vì thế các con số về tổng cộng các hạng mục trong một số bảng có thể không là tổng số tương ứng của những con số đứng trước nó.

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“HDBank”, “Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết”, “Ngân hàng”, “Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh”: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	“HĐTV”: Hội đồng Thành viên
“ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông	“MTV”: Một thành viên
“HĐQT”: Hội đồng Quản trị	“HNX”: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
“ATM”: Máy rút tiền tự động	“ISO”: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
“ALCO”: Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Và Nợ Phải Trả	“NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
“BKS”: Ban Kiểm soát	“NIM”: Biên lợi nhuận ròng
“BCTC”: Báo cáo tài chính	“TCTD”: Tổ chức tín dụng
“CASA”: Tiền gửi không kỳ hạn	“TGD”: Tổng Giám đốc
“CAR”: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	“TMCP”: Thương mại Cổ phần
“CCCD”: Căn cước công dân	“TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
“CNTT”: Công nghệ Thông tin	“USD”: Đồng đô la Mỹ
“ĐVKD”: Đơn vị kinh doanh	“UBCKNN”: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
“LNST”: Lợi nhuận sau thuế	“UBND”: Ủy ban Nhân dân
“L/C”: Thư Tín Dụng (Letter Of Credit)	“VND”: Đồng Việt Nam
“PGD”: Phòng Giao dịch	“VSDC”: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
	“TSCĐ”: Tài sản cố định
	“ESG”: Environmental (Môi trường) – Social (Xã hội) – Governance (Quản trị doanh nghiệp)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Tên viết tắt: HDBank
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do NHNN cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung
- Người đại diện theo pháp luật: (Ông) Nguyễn Hữu Đăng – Tổng Giám đốc (*theo Công văn số 965/QLGS4 ngày 20/05/2025 của NHNN v/v thông báo người đại diện theo pháp luật của HDBank*)
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 62 915 916 Fax: (028) 62 915 900
- Website: www.hdbank.com.vn
- Vốn điều lệ đăng ký và thực góp: 50.052.763.230.000 đồng
- Mã cổ phiếu: HDB
- Sàn niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



- Logo: Cam kết lợi ích cao nhất

- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác (*Mã ngành: 6419*)

Nội dung hoạt động của Ngân hàng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020 (và các quyết định sửa đổi, bổ sung) như sau:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

- Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất;
- Lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng;
- Ví điện tử;
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Mua nợ;
- Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được quy định tại các quyết định sửa đổi, bổ sung của Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN

do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/02/1989, Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do NHNN cấp ngày 06/06/1992 và được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung của Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên.

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 31/12/2025, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 Văn phòng đại diện khu vực miền Bắc tại thành phố Hà Nội và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar), 87 Chi nhánh, 288 Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.273 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm 1989

- HDBank được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1992

- HDBank nhận giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP ngày 06/06/1992 do NHNN cấp, chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.

Năm 2010

- HDBank tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên theo công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN cấp.
- HDBank thực hiện việc phát hành thẻ và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.

Năm 2011

- Ngày 19/09/2011, NHNN cấp quyết định chấp thuận sửa đổi tên Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh thành “Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”.
- HDBank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân

Năm 2013

- Mua lại 100% vốn Công ty SGVF của Tập đoàn Société Générale (Pháp) để trở thành công ty con của HDBank mang tên HDFinance.
- Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần của Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank) để sáp nhập vào HDBank, tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ đồng.

Năm 2015

- HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit Saison Co., Ltd. (Nhật Bản) và 1% vốn điều lệ cho Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành

viên.

viên trở lên và thay đổi tên thành HD SAISON.

Năm 2016

- HDBank được Moody's xếp hạng tín nhiệm tiền gửi dài hạn ở mức B2 với triển vọng ổn định.

Năm 2017

- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 8.829 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 9.810 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Năm 2018

- Ngân hàng chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã HDB và nằm trong nhóm 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất HOSE.
- Moody's công bố nâng bậc xếp hạng tiền gửi dài hạn (nội và ngoại tệ), xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) và đánh giá rủi ro đối tác (CRA) của HDBank lên B1, triển vọng Ổn định.

Năm 2019

- HDBank đánh dấu cột mốc kỷ niệm 30 năm ngày thành lập ngân hàng với văn phòng đại diện đầu tiên tại Myanmar, đóng góp những hiệu quả thiết thực vào hoạt động đầu tư, giao thương giữa hai quốc gia, đồng thời quảng bá thương hiệu HDBank ra thị trường quốc tế.
- Ngân hàng chính thức được Thống đốc NHNN chấp thuận cho HDBank áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (“**Thông tư 41**”) (Basel II) từ ngày 01/10/2019.

Năm 2020

- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên hơn 16.088 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Phát hành thành công 160 triệu USD trái phiếu quốc tế - là tổ chức tín dụng có khối lượng phát hành thành công lớn nhất trong năm.

Năm 2021

- Tăng vốn điều lệ lên gần 20.073 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Phát hành thành công 165 triệu USD trái phiếu quốc tế.
- Cơ quan xếp hạng tín nhiệm Moody's nâng triển vọng xếp hạng HDBank từ Ổn định lên Tích cực.

Năm 2022

- Kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay, gia nhập câu lạc bộ ngân hàng có lợi nhuận trước thuế vượt 10 nghìn tỷ đồng.

Năm 2023

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 của HDBank đạt 10.336 tỷ đồng, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt

Năm 2024

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 của HDBank đạt 13.248 tỷ đồng, tăng 28,17% so với cùng kỳ và hoàn thành

- Là một trong bốn ngân hàng lãnh mạnh được Chính phủ, NHNN tin tưởng lựa chọn tham gia Đề án tái cơ cấu hệ thống Ngân hàng Thương mại.
- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường với nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.
- HDBank đã hoàn thành triển khai toàn diện Basel III Reforms, khẳng định nền tảng quản trị rủi ro vững chắc của HDBank trong hoạt động, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các chỉ số an toàn hoạt động tại 31/12/2023 của HDBank đều tốt đáng kể so với quy định của NHNN. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất đạt 12,6%, thuộc nhóm dẫn đầu trên thị trường và cao hơn trên 50% so với mức quy định tối thiểu 8%.
- Tổng tài sản của HDBank đạt 602.315 tỷ đồng, tăng 44,7% so với năm 2022, tăng gần 10 lần qua 10 năm tăng trưởng.
- 105,13% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Tỷ lệ ROE đạt 25,71%, ROA đạt 2,04% nằm trong nhóm dẫn đầu ngành.
- Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản hợp nhất đạt 697.366 tỷ đồng, tăng 15,78% so với cùng kỳ.

Năm 2025

- Trong năm 2025, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 21.346 tỷ đồng, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước. ROE tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 25,3%, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành.
- Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của HDBank đạt 931.104 tỷ đồng, tăng 33,5% so với cùng kỳ.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**Hình 1: Cơ cấu tổ chức của HDBank**

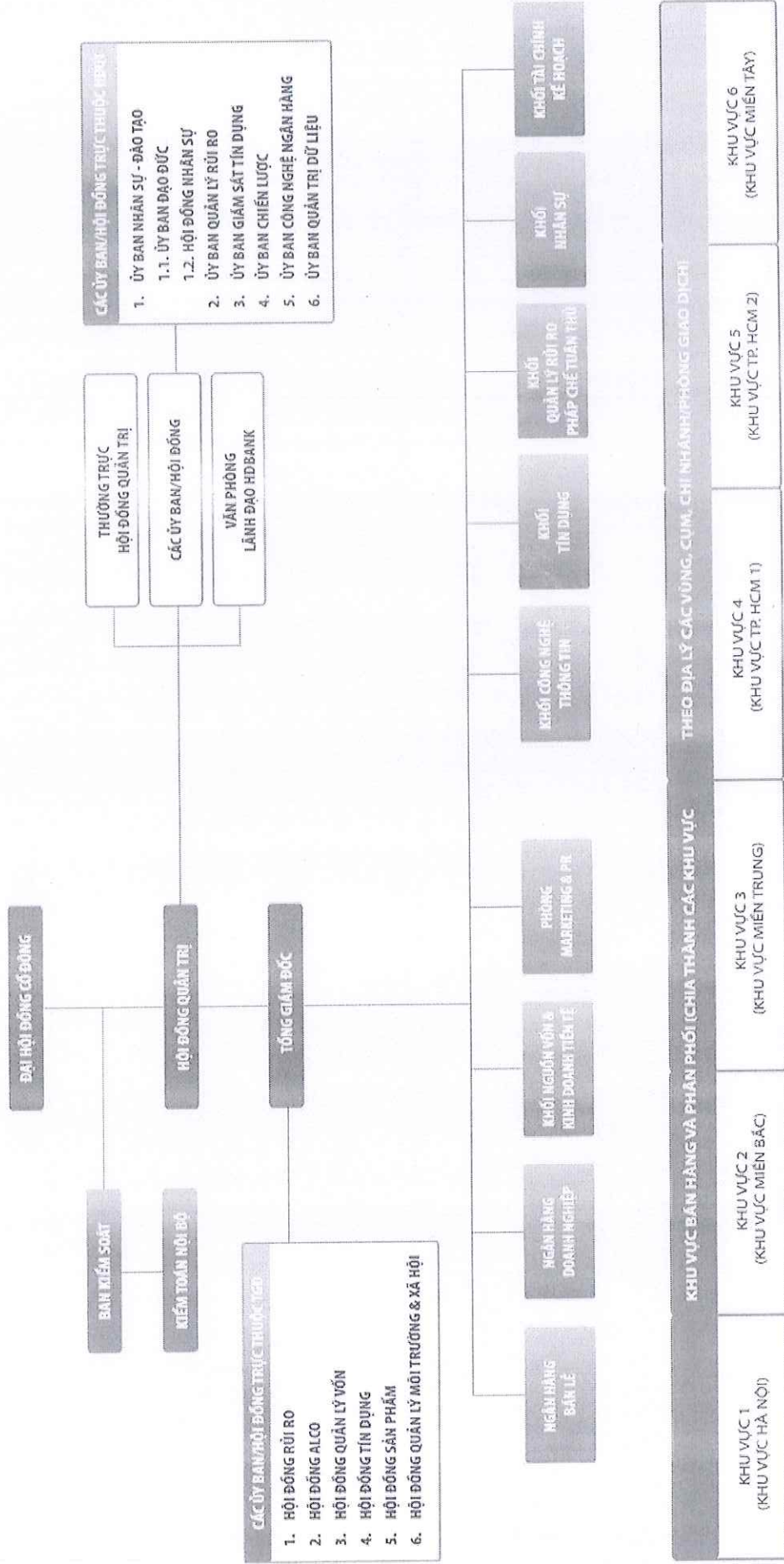
Nguồn: HDBank

HDBank hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của HDBank được trình bày tại Mục IV.5.2 của Bản Cáo Bạch này.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của HDBank



Nguồn: HDBank

▪ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
- Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức được trả sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại,

giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
- Quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

▪ **Hội đồng Quản trị**

HĐQT là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng;
- Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng;
- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ của Ngân hàng. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên ĐHĐCĐ;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch ngân sách, kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, kế hoạch lao động và tiền lương hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm người phụ trách quản trị ngân hàng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành ngân hàng khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác. Cử nhân sự tham gia vào các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát tại các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;

- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các TCTD và thông qua các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 của Luật các TCTD, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;
- Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ;
- Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- Giám sát phê duyệt tín dụng trong một số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ;
- Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của BKS hoặc của ĐHĐCĐ. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;
- Xem xét, phê duyệt Báo cáo thường niên;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, trừ trường hợp huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và Tổng Giám đốc;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, trừ trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ;
- Triển khai, thực hiện việc mua lại cổ phần của Ngân hàng theo nghị quyết/quyết định mua lại cổ phần đã được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật

- có liên quan;
- Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được phê duyệt;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;
 - Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN;
 - Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con của Ngân hàng;
 - Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;
 - Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quyết định việc tạm ứng cổ tức căn cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua;
 - Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;
 - Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
 - Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).
- Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền và/hoặc giao cho Người điều hành Ngân hàng hoặc nhân viên cấp dưới thực hiện, xử lý một hoặc một số công việc cụ thể để triển khai và thực hiện một vấn đề mà HĐQT đã thông qua.
- **Ban Kiểm Soát**
- BKS là cơ quan đại diện cho cổ đông, có trách nhiệm như sau:
- BKS thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;

- Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của HDBank về kế toán và báo cáo. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;
- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS;
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm của Ngân hàng; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định các báo cáo này; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng;
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng;
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo trong các trường hợp sau đây: theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ; theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra đang thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này trong Điều lệ không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;
- Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu 01% Vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành

viên BKS, Tổng Giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;

- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng trong quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và của pháp luật.

▪ **Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc phụ trách và điều hành chính các mảng/lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công, phân nhiệm của Tổng Giám đốc.

Giám đốc Tài chính tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác phân bổ nguồn vốn và đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết cho quá trình phát triển của Ngân hàng.

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;
- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo HĐQT;
- Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng, quy chế/quy định quản lý nội bộ của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các

- chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng;
 - Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;
 - Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền (kể cả Người quản lý ngân hàng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc);
 - Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng và các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng có giá trị dưới 10% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy chế/quy định nội bộ của Ngân hàng, các quyết định của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng.
 - **Các Ủy ban:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT hoặc Tổng Giám đốc.
 - **Các Hội đồng:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc trong các vấn đề do từng Hội đồng phụ trách.
 - HDBank có các Khối, Phòng/Ban và Trung tâm chức năng thuộc Hội sở.

Các Khối thuộc sự điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối. Mỗi Khối chức năng được chia làm nhiều phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ Khách hàng. Giữa các Khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban Điều hành và họp giao ban giữa các Khu vực trên toàn quốc.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Tại ngày 31/12/2025, thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối như sau:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Bảng 1: Danh sách công ty con của HDBank tại ngày 31/12/2025

STT	Tên công ty	Ngày thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại HDBank	Tỷ lệ sở hữu của HDBank tại công ty
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Ngày 08/05/2007 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GP-NHNN do NHNN cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Tài chính/ Ngân hàng	0%	50%
2	Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki	Ngày 27/03/1992 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0009/NH-GP do NHNN cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Tài chính/ Ngân hàng	0%	100%

Nguồn: HDBank

5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Không có.

5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

HDBank được thành lập năm 1989 với vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 đồng. Kể từ khi thành lập đến nay, HDBank không có đợt giảm vốn điều lệ nào. Trải qua các lần tăng vốn, hiện tại HDBank đã nâng số vốn điều lệ lên 50.052.763.230.000 đồng.

Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ của HDBank được trình bày dưới đây:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ của HDBank kể từ khi thành lập

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 02/1989	0	3.000.000.000	3.000.000.000	Góp vốn thành lập bảng tiền	Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh V/v thành lập Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.
Tháng 06/1992	3.000.000.000	2.000.000.000	5.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 102/QĐ-NH5 ngày 06/06/1992 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v cấp Giấy phép hoạt động cho Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh. - Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP ngày 06/06/1992 của NHNN. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992.
Tháng 10/1993	5.000.000.000	5.008.000.000	10.008.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 199/QĐ-NH5 ngày 23/10/1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v chuẩn y vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/11/1993.
Tháng 04/1994	10.008.000.000	11.608.000.000	21.616.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 71/QĐ-NH5 ngày 18/4/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v chuẩn y vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/05/1994.
Tháng 01/1998	21.616.000.000	20.458.000.000	42.074.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	Quyết định số 50/1998/QĐ-NHNN5 ngày 22/01/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v chuẩn y vốn điều lệ.

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 08/1998	42.074.000.000	7.652.000.000	49.726.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	Quyết định số 291/11998/QĐ-NHNN5 ngày 27/08/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v chuẩn y vốn điều lệ.
Tháng 02/1999	49.726.000.000	10.000.000.000	59.726.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 61/11999/QĐ-NHNN5 ngày 20/02/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước V/v chuẩn y vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/03/1999.
Tháng 06/2002	59.726.000.000	10.300.000.000	70.026.000.000	Phát hành riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2002 ngày 28/03/2002. - Công văn số 677/NHTP.2002 ngày 12/06/2002 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/07/2002.
Tháng 12/2004	70.026.000.000	79.997.000.000	150.023.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2003 ngày 27/03/2004. - Công văn số 2088/NHNN-HCM 02 ngày 10/12/2004 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/12/2004.
Tháng 08/2005	150.023.000.000	50.236.000.000	200.259.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2004 ngày 09/04/2005.

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 12/2005	200.259.000.000	99.741.000.000	300.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Công văn số 1748/NHNN-HCM.02 ngày 12/08/2005 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 7, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/08/2005. Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2004 ngày 09/04/2005. Công văn số 2446/NHNN-HCM.02 ngày 27/12/2005 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 8, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2005.
Tháng 12/2006	300.000.000.000	200.000.000.000	500.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 ngày 08/04/2006. Công văn số 1779/NHNN-HCM.02 ngày 19/12/2006 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 9, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2006.
Tháng 01/2008	500.000.000.000	500.000.000.000	1.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 33/NQ-ĐHCD ngày 04/06/2007. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2007 số 48/NQ-ĐHCD ngày 20/09/2007. Công văn số 931/NHNN-HCM02 ngày 25/06/2007 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 10/2008	1.000.000.000.000	550.000.000.000	1.550.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - mức vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 221/UBCK-GCN ngày 21/11/2007 do UBCKNN cấp. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 10, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2008. - Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2007 ngày 22/03/2008. - Công văn số 1682/NHNN-HCM02 ngày 25/09/2008 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng số 338/UBCK-GCN ngày 03/10/2008 do UBCKNN cấp. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 11, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/12/2008.
Tháng 08/2010	1.550.000.000.000	450.000.000.000	2.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 05/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2010 V/v thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2010 của HDBank. - Công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận chào bán số 687/UBCK-GCN ngày 24/09/2010 do UBCKNN cấp. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 01/12/2010.

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 01/2011	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 05/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2010 V/v thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2010 của HDBank. Công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN v/v tăng vốn điều lệ. Giấy chứng nhận chào bán số 687/UBCK-GCN ngày 24/09/2010 do UBCKNN cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 04/01/2011.
Tháng 06/2012	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000	5.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 20/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2011 V/v thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ năm 2011. Công văn số 9657/NHNN-TTGSNH ngày 16/12/2011 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ. Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 08/GCN-UBCK ngày 13/02/2012 do UBCKNN cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 13/06/2012.
Tháng 12/2013	5.000.000.000.000	3.100.000.000.000	8.100.000.000.000	Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 24/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/09/2013 V/v thông qua việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á vào Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định số 2687/QĐ-NHNN ngày 18/11/2013 V/v sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á vào Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định số 3101/QĐ-NHNN ngày 31/12/2013 V/v sửa

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 10/2017	8.100.000.000.000	728.999.810.000	8.828.999.810.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	<p>đổi, bổ sung một số nội dung tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu hoán đổi số 74/GCN-UBCK ngày 10/12/2013 do UBCKNN cấp. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 23, ngày 21/01/2014. - Nghị quyết số 22/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/10/2017 V/v thông qua việc tăng vốn Điều lệ HDBank. - Công văn số 8412/NHNN-TTGSNH ngày 17/10/2017 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ của HDBank. - Công văn số 6977/UBCK-QLCB ngày 18/10/2017 của UBCKNN V/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 25, ngày 19/10/2017.
Tháng 12/2017	8.828.999.810.000	980.999.980.000	9.809.999.790.000	Phát hành riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 24/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/10/2017 V/v thông qua phương án phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn Điều lệ. - Công văn số 9997/NHNN-TTGSNH ngày 07/12/2017 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ của HDBank. - Công văn số 8315/UBCK-QLCB ngày 08/12/2017 của UBCKNN V/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 26, ngày 11/12/2017.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 10/2020	9.809.999.790.000	2.897.763.860.000	12.707.763.650.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2020 về Phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu và Phát hành cổ phiếu thường để tăng Vốn điều lệ năm 2020. - Công văn số 5440/NHNN-TTGSNH ngày 28/07/2020 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ. - Công văn số 5356/UBCK-QLCB ngày 01/09/2020 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của HDBank. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 28, ngày 02/11/2020.
Tháng 12/2020	12.707.763.650.000	3.380.724.530.000	16.088.488.180.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2020 về Phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu và Phát hành cổ phiếu thường để tăng Vốn điều lệ năm 2020. - Công văn số 8147/NHNN-TTGSNH ngày 09/11/2020 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ. - Công văn số 6790/UBCK-QLCB ngày 13/11/2020 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDBank. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 29, ngày 24/12/2020.
Tháng 10/2021	16.088.488.180.000	3.984.418.240.000	20.072.906.420.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 về Phương án tăng Vốn điều lệ năm 2021. - Công văn số 4808/NHNN-TTGSNH ngày 02/07/2021 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ năm 2021.

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 07/2022	20.072.906.420.000	200.000.000.000	20.272.906.420.000	Phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 3626/UBCK-QLCB ngày 15/07/2021 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDB. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 30, ngày 27/10/2021. - Nghị quyết số 07/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 về Phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động. - Nghị quyết số 18/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/09/2021 về Phương án tăng Vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu cho người lao động. - Công văn số 8570/NHNN-TTGSNH ngày 06/12/2021 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ năm 2021. - Công văn số 8864/UBCK-QLCB ngày 24/12/2021 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của HDBank. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 31, ngày 08/07/2022.
Tháng 11/2022	20.272.906.420.000	5.030.522.800.000	25.303.429.220.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 về Phương án tăng Vốn điều lệ năm 2022. - Công văn số 5458/NHNN-TTGSNH ngày 08/08/2022 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ năm 2022. - Công văn số 6095/UBCK-QLCB ngày 13/09/2022 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDB. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 09/2023	25.303.429.220.000	3.772.892.100.000	29.076.321.320.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 32, ngày 02/11/2022. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 về Phương án tăng Vốn điều lệ năm 2023. - Công văn số 4279/NHNN-TTGSNH ngày 05/06/2023 của NHNN V/v tăng Vốn điều lệ năm 2023. - Công văn số 3844/UBCK-QLCB ngày 20/06/2023 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDB. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh thay đổi lần 33, ngày 05/09/2023.
Tháng 10/2024	29.076.321.320.000	200.000.000.000	29.276.321.320.000	Phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên	- Nghị quyết số 07/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 về Phương án tăng Vốn điều lệ năm 2023. - Công văn số 9252/NHNN-TTGSNH ngày 01/12/2023 của NHNN v/v tăng Vốn điều lệ. - Công văn số 879/UBCK-QLCB ngày 05/02/2024 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động. - Quyết định số 2240/QĐ-NHNN ngày 08/10/2024 của NHNN về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
Tháng 12/2024	29.276.321.320.000	5.825.101.220.000	35.101.422.540.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Nghị quyết số 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 về Phương án tăng Vốn điều lệ năm 2024. - Công văn số 8873/NHNN-TTGSNH ngày 28/10/2024 về

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Tháng 11/2025	35.101.422.540.000	3.492.735.830.000	38.594.158.370.000	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> - việc tăng vốn điều lệ của HDBank. - Công văn số 8149/UBCK-QLCB ngày 29/11/2024 về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDBank. - Quyết định số 2785/QĐ-NHNN ngày 26/12/2024 của NHNN về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. - Nghị quyết số 23/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/08/2025 v/v Phương án tăng Vốn Điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi. - Công văn số 8905/NHNN-QLGS của NHNN ngày 10/10/2025 v/v tăng vốn điều lệ của HDBank. - Công văn số 6569/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 21/10/2025 v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của HDBank. - Quyết định số 3595/QĐ-NHNN của NHNN ngày 03/11/2025 về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
Tháng 12/2025	38.594.158.370.000	11.578.247.500.000	50.052.763.230.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 v/v Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. - Nghị quyết số 25/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 v/v Phương án chia cổ tức năm 2024. - Nghị quyết số 26/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 v/v Phương án phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Nghị quyết số 27/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 v/v

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Phương án tăng Vốn Điều lệ của HDBank. - Công văn số 10629/NHNN-QLGS của NHNN ngày 02/12/2025 v/v tăng vốn điều lệ của HDBank. - Công văn số 8548/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 08/12/2025 v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của HDBank. - Công văn số 9272/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 25/12/2025 v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của HDBank. - Quyết định số 4065/QĐ-NHNN của NHNN ngày 30/12/2025 về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguồn: HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của HDBank tại ngày 31/03/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
2	Trong nước	37.876	3.885.298.124	77,624
a	Cá nhân trong nước	37.671	2.225.732.585	44,468
b	Tổ chức trong nước	205	1.659.565.539	33,156
3	Nước ngoài	829	1.119.978.199	22,376
a	Cá nhân nước ngoài	671	8.090.922	0,162
b	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	158	1.111.887.277	22,214
	<i>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	12	193.776.609	3,871
	Tổng cộng	38.705	5.005.276.323	100,000

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDBank do VSDC cung cấp tại ngày 31/03/2026

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

7.3. Các loại chứng khoán khác

7.3.1. Trái phiếu phát hành ra công chúng:

- Khối lượng trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/03/2026: 14.226 tỷ Đồng
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của HDBank.

7.3.2. Trái phiếu phát hành riêng lẻ:

- Khối lượng trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/03/2026: 50.010 tỷ Đồng
- Đặc điểm:
 - + 22.576 tỷ Đồng là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank;
 - + 23.101 tỷ Đồng là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là nợ thứ cấp của HDBank;
 - + 4.333 tỷ Đồng là trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền.

Chi tiết được trình bày tại Mục V.2.1.2 của Bản Cáo Bạch này.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

HDBank được thành lập nhằm thực hiện đầy đủ các giao dịch của một ngân hàng thương mại theo quy định Pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ:

a) Cơ cấu doanh thu

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	51.954	89,01%	61.577	85,58%	18,52%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.391	4,10%	4.724	6,57%	97,57%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.498	4,28%	3.250	4,52%	30,10%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	412	0,71%	673	0,94%	63,35%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	298	0,51%	952	1,32%	219,46%
Thu nhập từ hoạt động khác	567	0,97%	765	1,06%	34,92%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	250	0,43%	9	0,01%	-96,40%
Tổng cộng thu nhập hoạt động	58.370	100,00%	71.950	100,00%	23,27%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	57.996	88,61%	67.992	85,08%	17,24%

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.296	5,04%	5.698	7,13%	72,88%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.508	3,83%	3.252	4,07%	29,67%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	412	0,63%	673	0,84%	63,35%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	298	0,46%	952	1,19%	219,46%
Thu nhập từ hoạt động khác	870	1,33%	1.026	1,28%	17,93%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	72	0,11%	319	0,40%	343,06%
Tổng cộng thu nhập hoạt động	65.452	100,00%	79.912	100,00%	22,09%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

b) Cơ cấu lãi thuần

Bảng 6: Cơ cấu lãi thuần của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi thuần	25.409	92,14%	28.964	81,64%	13,99%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	516	1,87%	3.156	8,90%	511,63%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	857	3,11%	1.356	3,82%	58,23%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	69	0,25%	639	1,80%	826,09%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	68	0,25%	856	2,41%	1158,82%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	250	0,91%	9	0,03%	-96,40%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	408	1,48%	499	1,41%	22,30%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	27.577	100,00%	35.479	100,00%	28,65%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

Bảng 7: Cơ cấu lãi thuần của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi thuần	30.857	90,67%	34.746	81,38%	12,60%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.417	4,16%	4.126	9,66%	191,18%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	844	2,48%	1.272	2,98%	50,71%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	69	0,20%	639	1,50%	826,09%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	68	0,20%	856	2,00%	1.158,82%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	72	0,21%	319	0,75%	343,06%
Lãi thuần từ hoạt động khác	706	2,07%	737	1,73%	4,39%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	34.032	100,00%	42.695	100,00%	25,46%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

8.1.2. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của HDBank phần lớn từ thị trường trong nước, theo số liệu hợp nhất trung bình chiếm 95,25%. Thị trường huy động vốn nước ngoài chiếm tỷ trọng trung bình 4,75%.

a) Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của HDBank. Nguồn vốn huy động chính của HDBank bao gồm:

- Tiền gửi và vay NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi của khách hàng
- Phát hành giấy tờ có giá

Theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán, tổng giá trị nguồn vốn huy động chính tại thời điểm 31/12/2025 của HDBank đạt 828.781 tỷ đồng, tăng 34,04% so với cuối năm 2024, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của Khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá, chiếm 78,21% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 8: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I. Loại hình					
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	15	0,00%	11.426	1,40%	76.073,33%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	97.368	15,95%	165.739	20,28%	70,22%
Tiền gửi của khách hàng	437.505	71,67%	560.714	68,63%	28,16%
Phát hành Giấy tờ có giá	75.560	12,38%	79.189	9,69%	4,80%
Tổng cộng	610.448	100,00%	817.068	100,00%	33,85%
II. Trong nước/Ngoài nước					
Trong nước	584.613	95,77%	778.879	95,33%	33,23%
Ngoài nước	25.835	4,23%	38.189	4,67%	47,82%
Tổng cộng	610.448	100,00%	817.068	100,00%	33,85%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

Bảng 9: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I. Loại hình					
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	15	0,00%	11.426	1,38%	76.073,33%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	99.461	16,09%	169.207	20,42%	70,12%
Tiền gửi của khách hàng	437.505	70,76%	560.714	67,66%	28,16%
Phát hành Giấy tờ có giá	81.350	13,16%	87.434	10,55%	7,48%
Tổng cộng	618.331	100,00%	828.781	100,00%	34,04%
II. Trong nước/Ngoài nước					
Trong nước	590.620	95,52%	787.259	94,99%	33,29%
Ngoài nước	27.711	4,48%	41.522	5,01%	49,84%
Tổng cộng	618.331	100,00%	828.781	100,00%	34,04%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

b) *Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá*

Theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 31/12/2025 đạt 87.434 tỷ đồng, chiếm 10,55% trong tổng nguồn vốn huy động. Điều này không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp HDBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

c) *Huy động từ tiền gửi của khách hàng*

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình hơn 69% tổng nguồn vốn huy động của HDBank (hợp nhất) trong giai đoạn 2024 – 2025. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư. Tại ngày 31/12/2025, tổng tiền gửi của khách hàng trên BCTC hợp nhất của HDBank đạt 560.714 tỷ đồng, tăng 28,16% so với cuối năm 2024 và chiếm 67,66% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

STT	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	437.505	560.714
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%
-	Cá nhân (*)	76,10%	79,46%
-	Tổ chức	23,90%	20,54%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	11,73%	10,61%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	15,02%	12,42%
-	Tiền gửi tiết kiệm	73,03%	76,68%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,13%	0,12%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,10%	0,18%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%
-	VND	99,12%	97,73%
-	Ngoại tệ	0,88%	2,27%

Nguồn: HDBank

(*) Số liệu tại 31/12/2025 bao gồm cá nhân và hộ kinh doanh (theo thuyết minh BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán của HDBank)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	437.505	560.714
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%
-	Cá nhân (*)	76,10%	79,46%
-	Tổ chức	23,90%	20,54%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	11,73%	10,61%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	15,02%	12,42%
-	Tiền gửi tiết kiệm	73,03%	76,68%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,12%	0,12%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,10%	0,18%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%
-	VND	99,12%	97,73%
-	Ngoại tệ	0,88%	2,27%

Nguồn: HDBank

(*) Số liệu tại 31/12/2025 bao gồm cá nhân và hộ kinh doanh (theo thuyết minh BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của HDBank)

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm 79,46% tại thời điểm 31/12/2025), phù hợp với chiến lược phát triển là Ngân hàng bán lẻ của HDBank trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) của HDBank chiếm tỷ trọng lớn, trên 88% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2024 – 2025, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tính tại ngày 31/12/2025, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 10,61% và tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) chiếm 89,10% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 98% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2024 – 2025). Tại ngày 31/12/2025, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 547.959 tỷ đồng, tăng 26,36% so với năm 2024 và chiếm 97,73% tổng số dư tiền gửi của khách hàng.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 12: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm
VND	433.635	547.959	26,36%
Ngoại tệ	3.870	12.756	229,61%
Tổng	437.505	560.714	28,16%

Nguồn: HDBank

Bảng 13: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm
VND	433.635	547.959	26,36%
Ngoại tệ	3.870	12.756	229,61%
Tổng	437.505	560.714	28,16%

Nguồn: HDBank

8.1.3. Hoạt động tín dụng**a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng**

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của HDBank tăng đều qua các năm. Tính đến 31/12/2025, tổng dư nợ tín dụng theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 588.022 tỷ đồng (tăng 34,33% so với năm 2024), trong đó gồm khoản tín dụng 17.726 tỷ đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành. Với mục tiêu phát triển bền vững, HDBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của NHNN.

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 31/12/2025, dư nợ cho vay trung dài hạn theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 280.423 tỷ đồng, chiếm 49,17% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng, tăng 37,36% so với cuối năm 2024. Trong khi đó, dư nợ ngắn hạn tại 31/12/2025 là 289.874 tỷ đồng (tương đương 50,83% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng), tăng 27,61% so với thời điểm cuối năm 2024. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được HDBank chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025 (*)		% tăng/ giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	219.624	53,17%	281.510	51,35%	28,18%
2	Nợ trung hạn	127.570	30,88%	166.725	30,41%	30,69%
3	Nợ dài hạn	65.900	15,95%	99.992	18,24%	51,73%
	Tổng cộng	413.094	100,00%	548.227	100,00%	32,71%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Bao gồm Dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ theo kỳ hạn

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025 (*)		% tăng/ giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	227.159	52,67%	289.874	50,83%	27,61%
2	Nợ trung hạn	138.248	32,05%	180.431	31,64%	30,51%
3	Nợ dài hạn	65.900	15,28%	99.992	17,53%	51,73%
	Tổng cộng	431.306	100,00%	570.297	100,00%	32,23%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Bao gồm Dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ theo kỳ hạn

Xét về nhóm ngành cho vay:

Phân theo ngành kinh tế, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay của HDBank. Tính đến 31/12/2025, theo số liệu hợp nhất, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình chiếm 29,40% trong cơ cấu dư nợ cho vay. Điều này là phù hợp với định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ và SME của HDBank, đẩy mạnh khai thác khách hàng hệ sinh thái, tài trợ chuỗi và liên kết đối tác nền tảng. Đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, Website HDBank mới theo tư duy E-Commerce. Bên cạnh đó, HDBank cũng xây dựng chiến lược cho vay hướng dòng vốn tín dụng đến những ngành là động lực tăng trưởng kinh tế như nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp SME, tài trợ chuỗi, tín dụng xanh, du lịch.

Từ năm 2018, HDBank đã tiên phong cho ra đời các chương trình cấp tín dụng xanh, hỗ trợ phát triển các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo cùng phương án sản xuất thân thiện với môi trường. Trong năm 2024 – 2025, HDBank tiếp tục tiên phong tài trợ các dự án năng lượng tái tạo, triển khai các sản phẩm tín dụng xanh và ứng dụng giải pháp công nghệ giảm thiểu tác động môi trường, đặc biệt là giảm thải carbon. Tài chính xanh không chỉ là xu thế mà còn là cam kết của HDBank trong việc phát triển các dự án năng

lượng tái tạo và cải thiện chất lượng môi trường sống, tích hợp hiệu quả với hoạt động kinh doanh nhằm mang lại giá trị lâu dài cho các bên liên quan và cộng đồng.

Bảng 16: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025 (*)		% tăng/ giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	141.407	34,23%	145.615	26,56%	2,98%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.996	0,73%	4.596	0,84%	53,40%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	18.627	4,51%	20.338	3,71%	9,19%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	68.292	16,53%	81.626	14,89%	19,52%
5	Xây dựng	42.190	10,21%	72.652	13,25%	72,20%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	7.052	1,71%	6.203	1,13%	-12,04%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác (**)	68.168	16,50%	104.072	18,98%	52,67%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	9.570	2,32%	8.563	1,56%	-10,52%
9	Vận tải, kho bãi (***)	7.706	1,87%	25.143	4,59%	226,28%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	30.707	7,43%	44.812	8,17%	45,93%
11	Khác	16.378	3,96%	34.606	6,31%	111,30%
Tổng cộng		413.094	100,00%	548.227	100,00%	32,71%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Bao gồm dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ theo lĩnh vực kinh doanh

(**) Là Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác theo BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán của HDBank

(***) Là Vận tải kho bãi theo BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán của HDBank

Bảng 17: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025 (*)		% tăng/ giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	159.619	37,01%	167.685	29,40%	5,05%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.996	0,69%	4.596	0,81%	53,40%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	18.627	4,32%	20.338	3,57%	9,19%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	68.292	15,83%	81.626	14,31%	19,52%
5	Xây dựng	42.190	9,78%	72.652	12,74%	72,20%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	7.052	1,64%	6.203	1,09%	-12,04%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác (**)	68.168	15,81%	104.072	18,25%	52,67%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	9.570	2,22%	8.563	1,50%	-10,52%
9	Vận tải, kho bãi (***)	7.706	1,79%	25.143	4,41%	226,28%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	30.707	7,12%	44.812	7,86%	45,93%
11	Khác	16.378	3,80%	34.606	6,07%	111,30%
Tổng cộng		431.306	100,00%	570.297	100,00%	32,23%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Bao gồm dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ theo lĩnh vực kinh

doanh

(**) Là Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của HDBank

(***) Là Vận tải kho bãi theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của HDBank

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của HDBank. Tại thời điểm 31/12/2025, số dư bảo lãnh của HDBank đạt 44.198 tỷ đồng, giảm hơn 39,13% so với cuối năm 2024.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, HDBank đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của HDBank. Tính đến ngày 31/12/2025, tỷ lệ nợ xấu (theo thông tư số 31/2024/TT-NHNN) của HDBank theo số liệu hợp nhất vẫn được duy trì ở mức an toàn, bằng 1,66% tổng dư nợ tín dụng (tại thời điểm 31/12/2024 tỷ lệ này là 1,48%).

Bảng 18: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025 (*)		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ đủ tiêu chuẩn	386.327	93,52%	519.158	94,70%	34,38%
Nợ cần chú ý	19.557	4,73%	17.267	3,15%	-11,71%
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.406	0,82%	3.217	0,59%	-5,55%
Nợ nghi ngờ	1.589	0,38%	5.106	0,93%	221,33%
Nợ có khả năng mất vốn	2.214	0,54%	3.479	0,63%	57,14%
Tổng cộng	413.094	100,00%	548.227	100,00%	32,71%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Bao gồm phân loại chất lượng dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ

Bảng 19: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025 (*)		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ đủ tiêu chuẩn	401.835	93,17%	538.183	94,37%	33,93%
Nợ cần chú ý	20.915	4,85%	18.793	3,30%	-10,15%
Nợ dưới tiêu chuẩn	4.200	0,97%	4.017	0,70%	-4,36%
Nợ nghi ngờ	1.967	0,46%	5.500	0,96%	179,61%

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025 (*)		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ có khả năng mất vốn	2.389	0,55%	3.803	0,67%	59,19%
Tổng cộng	431.306	100,00%	570.297	100,00%	32,23%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Bao gồm phân loại chất lượng dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được HDBank nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 20: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2024	31/12/2025 (*)	% tăng/giảm
Dự phòng cụ thể	2.022	2.516	24,43%
Dự phòng chung	3.165	4.085	29,07%
Tổng cộng	5.188	6.601	27,24%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Bao gồm số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng và số dư dự phòng rủi ro đối với hoạt động mua nợ

Bảng 21: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2024	31/12/2025 (*)	% tăng/giảm
Dự phòng cụ thể	2.578	3.230	25,29%
Dự phòng chung	3.301	4.249	28,72%
Tổng cộng	5.879	7.479	27,22%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Bao gồm số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng và số dư dự phòng rủi ro đối với hoạt động mua nợ

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của NHNN quy định về phân loại tài sản Có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN từng thời điểm và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Ngày 11/07/2024, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử

dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái và có hiệu lực thi hành từ ngày 11/07/2024.

d) *Tỷ lệ an toàn vốn*

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) hợp nhất của HDBank tại thời điểm 31/12/2025 là 16,72% và tại thời điểm 31/12/2024 là 14,03%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 22: Tỷ lệ an toàn vốn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm
Vốn tự có	82.053	110.789	35,02%
Vốn cấp 1	53.339	73.604	37,99%
Vốn cấp 2	30.619	39.090	27,67%
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	1.905	1.904	-0,05%
Tổng tài sản “Có” rủi ro	602.788	676.586	12,24%
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	13,61%	16,37%	20,28%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

Bảng 23: Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm
Vốn tự có	87.255	117.422	34,57%
Vốn cấp 1	54.362	75.487	38,86%
Vốn cấp 2	32.893	41.936	27,49%
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	-
Tổng tài sản “Có” rủi ro	621.842	702.000	12,89%
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	14,03%	16,72%	19,17%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

HDBank đã sẵn sàng áp dụng chỉ số CAR theo Basel III ngay khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo chỉ số này ở mức tốt hơn so với khuyến nghị, tuân thủ đầy đủ quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP). Tỷ lệ an toàn vốn của HDBank đạt theo tiêu chuẩn Basel III, Ngân hàng đang tiếp tục triển khai áp dụng đầy đủ chuẩn Basel III vào công tác quản trị hệ thống. Các tỷ lệ an toàn khác theo Basel III như tỷ lệ đòn bẩy, LCR, NSFR... đều đạt mức tốt. Hệ thống kiểm soát nội bộ tiếp tục được hoàn thiện và nâng cấp.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của HDBank bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Năm 2025, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank đạt 3.252 tỷ đồng, tăng 29,67% so với năm 2024 và lãi thuần đạt 1.272 tỷ đồng, tăng 50,71% so với năm 2024.

Bảng 24: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/giảm
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.498	3.250	30,10%
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.641	1.894	15,42%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	857	1.356	58,23%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

Bảng 25: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/giảm
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.508	3.252	29,67%
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.664	1.980	18,99%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	844	1.272	50,71%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Trong năm 2025, số lượng giao dịch thanh toán trong nước (bao gồm các kênh Citad, VCB Money, BIDV Epay và Napas 247) của HDBank đạt 238.648.521 giao dịch, tăng 66,14% so với năm 2024; doanh số thanh toán đạt 24.032.125 tỷ đồng, tăng 69,19% so với năm 2024.

Thực hiện theo Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ, HDBank đã, đang và sẽ ứng dụng mạnh mẽ công nghệ 4.0 vào hoạt động thanh toán trong nước, phát triển hệ thống thanh toán, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán, không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thanh toán một cách thuận tiện, hiệu quả của khách hàng: ứng dụng các phương thức xác thực hiện đại, công nghệ eKYC, ứng dụng giải pháp tự động hóa quy trình chuyển tiền bằng robot (RPA), mở rộng hợp tác thanh toán với các đối tác liên kết, các hệ thống thanh toán song phương/ đa phương, kết nối cổng thanh toán điện tử đối với dịch vụ hành chính công, khu vực chính phủ... Do vậy, mặc dù lượng giao dịch thanh toán ngày càng tăng cao, hoạt động thanh toán trong nước tại Ngân hàng vẫn đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm chi phí.

c) *Hoạt động thanh toán quốc tế*

Năm 2025, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 60.637 giao dịch, tăng 3,45% so với năm 2024; doanh số thanh toán đạt gần 17,51 tỷ USD, tăng 7,89% so với năm 2024.

8.1.5. Hoạt động Ngân hàng đại lý

HDBank đã thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều ngân hàng đại lý trong và ngoài nước, đối tác tổ chức quốc tế. HDBank hiện có quan hệ ngân hàng đại lý (Swift RMA) với hơn 350 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh đó, các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho HDBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ L/C, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. HDBank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam ký kết thỏa thuận Ngân hàng Xác nhận (Confirming Banking) với ADB và là ngân hàng tiên phong triển khai thành công Thư tín dụng trên nền tảng công nghệ blockchain của hệ thống tài trợ thương mại toàn cầu mang tên “Contour” lần đầu tiên tại Việt Nam. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để HDBank xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

8.2. *Tài sản*

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 26: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	594	414	69,70%	661	461	69,74%
Máy móc thiết bị	469	244	52,03%	520	255	49,04%
Phương tiện vận tải	478	151	31,59%	532	177	33,27%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	311	39	12,54%	318	39	12,26%
TSCĐ hữu hình khác	30	14	46,67%	41	22	53,66%
Tổng cộng	1.881	861	45,77%	2.072	954	46,04%

Nguồn: HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 27: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	594	414	69,70%	661	461	69,74%
Máy móc thiết bị	469	244	52,03%	520	255	49,04%
Phương tiện vận tải	478	151	31,59%	532	177	33,27%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	413	65	15,74%	415	58	13,98%
TSCĐ hữu hình khác	30	14	46,67%	41	22	53,66%
Tổng cộng	1.984	887	44,71%	2.169	973	44,86%

Nguồn: HDBank

8.2.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 28: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất có thời hạn	116	99	85,34%	116	97	83,62%
Quyền sử dụng đất không thời hạn	612	612	100,00%	612	612	100,00%
Phần mềm máy vi tính	522	164	31,42%	623	176	28,25%
TSCĐ vô hình khác	1	1	100,00%	1	1	100,00%
Tổng cộng	1.250	876	70,08%	1.351	885	65,51%

Nguồn: HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 29: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất có thời hạn	116	99	85,34%	116	97	83,62%
Quyền sử dụng đất không thời hạn	612	612	100,00%	612	612	100,00%
Phần mềm máy vi tính	563	167	29,66%	664	178	26,81%
TSCĐ vô hình khác	1	1	100,00%	1	1	100,00%
Tổng cộng	1.291	878	68,01%	1.392	887	63,72%

Nguồn: HDBank

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng***a) Quản lý rủi ro tín dụng:*

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều yếu tố biến động, công nghệ số diễn ra mạnh mẽ và tiềm ẩn nhiều rủi ro, HDBank đã xây dựng và triển khai khung quản lý rủi ro tín dụng theo hướng thận trọng, phù hợp với thông lệ quốc tế, bao gồm các chuẩn mực của Basel II và Basel III, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của NHNN.

HDBank thiết lập khẩu vị rủi ro tín dụng trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính, mục tiêu kinh doanh và điều kiện thị trường, làm căn cứ cho việc xây dựng các chính sách cấp tín dụng và giới hạn rủi ro.

Chuẩn hóa mô hình phê duyệt cấp tín dụng tập trung tại Hội sở nhằm chuyên môn hóa hoạt động phê duyệt, tăng tính độc lập và kiểm soát rủi ro. Đồng thời, HDBank cũng đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ, mô hình xếp hạng tín dụng trong việc đề xuất, thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng, giúp đơn vị đẩy nhanh tiến độ xử lý, kiểm soát dữ liệu, lưu trữ hồ sơ an toàn, chính xác và cung cấp dữ liệu để HDBank đẩy mạnh áp dụng các mô hình kiểm soát sau, cảnh báo sớm nhằm phát hiện chủ động, kịp thời các rủi ro có thể phát sinh.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát quy trình, sản phẩm/chương trình cấp tín dụng nhằm chuẩn hóa và điều chỉnh kịp thời các nội dung chưa phù hợp với thực tế phát sinh và có nguy cơ làm gia tăng rủi ro cho HDBank.

Tăng cường quản lý danh mục sau cấp tín dụng, triển khai áp dụng các mô hình tính xác suất vỡ nợ (PD), LGD, EAD.... nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu rủi ro tín dụng và áp dụng linh hoạt các biện pháp xử lý phù hợp.

Về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, bên cạnh việc áp dụng theo đúng quy định của Chính phủ và NHNN, HDBank hướng tới áp dụng trích lập dự phòng theo hướng chủ động dựa trên mô hình tổn thất tín dụng kỳ vọng (ECL), đánh giá tài sản bảo đảm theo hướng thận trọng để tăng cường trích lập dự phòng và tăng cường dự phòng theo chu kỳ (tăng cường trích lập dự phòng ở giai đoạn tăng trưởng tốt và sử dụng dự phòng ở giai đoạn suy giảm).

Trên cơ sở đó, HDBank duy trì hoạt động an toàn, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu trong phạm vi cho phép và đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư theo các điều kiện, điều khoản của trái phiếu phát hành ra công chúng.

b) Quản lý rủi ro hoạt động:

HDBank xác định rủi ro hoạt động là một trong các rủi ro trọng yếu, có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động, uy tín và sự phát triển bền vững của Ngân hàng. Ngân hàng đã xây dựng và vận hành khung quản lý rủi ro hoạt động toàn diện, phù hợp với quy định của NHNN, thông lệ quốc tế và định hướng quản trị rủi ro hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trên nền tảng đó, HDBank liên tục hoàn thiện quy trình, tối ưu hóa công cụ và tăng cường năng lực quản trị, nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng quản trị nội bộ và đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả. Cụ thể:

- Thiết lập cơ cấu quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình ba tuyến bảo vệ độc lập;
- Thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro hoạt động và cơ chế giám sát, cảnh báo sớm;
- Tuân thủ chiến lược quản lý rủi ro hoạt động gắn với khẩu vị rủi ro và các giới hạn kiểm soát;
- Triển khai đồng bộ các công cụ quản lý rủi ro hoạt động trên nền tảng hệ thống phần mềm tích hợp, bao gồm: RCSA, KRI, LDC và BCM, giúp nhận diện sớm rủi ro, theo dõi xu hướng tổn thất và tăng cường hiệu quả kiểm soát;
- Thực hiện quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, quy trình mới, thị trường mới và các hoạt động trọng yếu;
- Triển khai quản lý rủi ro đối với hoạt động thuê ngoài với quy trình đánh giá, lựa chọn, giám sát nhà cung cấp chặt chẽ, đặc biệt đối với dịch vụ công nghệ thông tin nhằm đảm bảo an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu khách hàng; triển khai chiến lược mua bảo hiểm như một công cụ chuyển giao và giảm thiểu rủi ro hoạt động;
- Xây dựng và triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP), kế hoạch khôi phục sau thảm họa (DRP) và thực hiện kiểm thử định kỳ nhằm đảm bảo khả năng vận hành liên tục;
- Tăng cường kiểm soát rủi ro trong hoạt động thanh toán, thẻ và ngân hàng số; triển khai các biện pháp bảo vệ dữ liệu và dữ liệu cá nhân; đẩy mạnh các giải pháp phòng chống gian lận thông qua ứng dụng công nghệ; đồng thời nghiên cứu phát triển hệ thống dữ liệu và ứng dụng các công nghệ (AI, Machine Learning, Big Data) trong nhận diện, đo lường, giám sát và cảnh báo rủi ro hoạt động;
- Tổ chức đào tạo và truyền thông nội bộ nhằm nâng cao văn hóa rủi ro, ý thức tuân thủ và trách nhiệm của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống;

- Xây dựng và theo dõi hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ và đột xuất phục vụ công tác quản trị và điều hành.

c) Quản lý rủi ro thị trường:

HDBank đã ban hành Quy chế về Chính sách quản lý rủi ro, Quy định quản lý rủi ro và được định kỳ rà soát hàng năm, để phù hợp với thực tế hoạt động và thông lệ thị trường, trong đó quản lý rủi ro thị trường là một trong những loại rủi ro trọng yếu. HDBank đã ban hành đầy đủ các quy định và thực hiện quản lý rủi ro thị trường trên cơ sở bám sát các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, Thông tư 41/2016/TT-NHNN, các sửa đổi, bổ sung và thông lệ của Hiệp ước Basel, cụ thể:

- Tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro thị trường, các chỉ tiêu khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro thị trường;
- Tổ chức hoạt động quản lý rủi ro thị trường theo 03 tuyến bảo vệ, đảm bảo thực hiện việc kiểm soát độc lập giữa đơn vị kinh doanh, quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ;
- Thực hiện nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường thông qua các công cụ, phương pháp luận/mô hình đo lường được xây dựng phù hợp thông lệ tiên tiến và các chuẩn mực Basel; Định kỳ HDBank thực hiện kiểm tra sức chịu đựng cho rủi ro thị trường nhằm đánh giá khả năng chịu đựng trong các kịch bản có diễn biến bất lợi và đề xuất các hành động phù hợp để hạn chế tổn thất có thể xảy ra.

d) Quản lý rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là một trong những rủi ro trọng yếu được Ngân hàng quản lý chặt chẽ nhằm đáp ứng đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ tài chính, tuân thủ quy định của NHNN, nội bộ và đáp ứng thông lệ quốc tế.

Ngân hàng thực hiện quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở khung quản trị tổng thể, bao gồm:

- Nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro theo mô hình ba tuyến phòng vệ, với hệ thống chính sách, quy định và quy trình được ban hành đầy đủ, quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng đơn vị;
- Ứng dụng hệ thống công nghệ và các công cụ đo lường nhằm theo dõi trạng thái thanh khoản, xây dựng các chỉ tiêu cảnh báo sớm, hạn mức và khẩu vị rủi ro phù hợp với chiến lược hoạt động của Ngân hàng; và
- Quản lý thanh khoản một cách chủ động, bao gồm thanh khoản trong ngày, danh mục tài sản thanh khoản cao, cũng như cân đối hoạt động huy động và sử dụng vốn;
- Thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản định kỳ với các kịch bản khác nhau, đồng thời xây dựng, rà soát và diễn tập kế hoạch dự phòng thanh khoản hàng năm nhằm đảm bảo khả năng ứng phó trong các điều kiện thị trường bất lợi.

Trên cơ sở khung quản trị nêu trên, Ngân hàng luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và quy định nội bộ, qua đó duy trì trạng thái thanh khoản an toàn, ổn định và góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư cũng như các bên liên quan đối với khả năng thanh khoản của Ngân hàng.

8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

HDBank đã xây dựng và vận hành khung quản trị rủi ro hoạt động phù hợp với Thông tư

13/2018/TT-NHNN và các thông lệ quốc tế, đồng thời không ngừng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao hiệu quả giám sát và năng lực quản trị rủi ro trên toàn hệ thống;

Bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động quản trị rủi ro vẫn đối mặt với các thách thức từ môi trường bên ngoài, bao gồm biến động kinh tế - chính trị toàn cầu, áp lực lạm phát, lãi suất, tỷ giá, cùng với sự gia tăng của các rủi ro gian lận, tội phạm công nghệ cao và rủi ro không gian mạng ngày càng tinh vi, phức tạp;

Trước các thách thức đó, HDBank tiếp tục rà soát, cập nhật các xu hướng rủi ro mới; tăng cường công tác kiểm soát, giám sát từ xa trên nền tảng dữ liệu kết hợp với kiểm tra thực tế tại đơn vị kinh doanh; đồng thời củng cố mô hình thẩm định, tái thẩm định và phê duyệt theo nguyên tắc độc lập, khách quan nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro;

Ngân hàng đẩy mạnh triển khai các giải pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro, bao gồm áp dụng mô hình tổn thất tín dụng dự kiến (ECL) theo IFRS 9, hoàn thiện các mô hình đo lường hiệu quả kinh doanh điều chỉnh theo rủi ro (RAROC/RORWA), phát triển hệ thống phòng chống gian lận trên nền tảng công nghệ hiện đại, đồng thời tăng cường ứng dụng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn trong giám sát, cảnh báo sớm và dự báo rủi ro;

HDBank tiếp tục đầu tư nguồn lực để nâng cấp hệ thống công cụ và mô hình quản lý rủi ro, đảm bảo khả năng giám sát, đo lường và cảnh báo kịp thời các biến động rủi ro, duy trì các tỷ lệ an toàn hoạt động phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và nâng cao khả năng chống chịu trước các biến động của thị trường.

8.4. Thị trường hoạt động:

8.4.1. Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 31/12/2025, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 Văn phòng đại diện khu vực miền Bắc tại thành phố Hà Nội và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar), 87 Chi nhánh, 288 Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.273 người.

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a) *Mạng lưới khách hàng*

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh/thành phố giúp HDBank và các đơn vị thành viên tiếp cận khách hàng tại các tỉnh thành phố trên toàn quốc, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tài chính tiêu dùng cho nhiều đối tượng khách hàng như khách hàng cá nhân, hộ gia đình, khách hàng doanh nghiệp, đồng thời HDBank cũng mở rộng chuỗi và hợp tác chiến lược với các tập đoàn, tổng công ty, định chế tài chính lớn.

b) *Các loại dịch vụ cho khách hàng*

▪ **Sản phẩm dịch vụ dành cho cá nhân:**

- Sản phẩm tiền gửi:

- + Tiền gửi không kỳ hạn: Tiền gửi thanh toán; Tiết kiệm không kỳ hạn;
- + Tiền gửi có kỳ hạn: Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường; Tiền gửi tiết kiệm gửi góp linh hoạt; Tiền gửi có kỳ hạn; Tiền gửi tiết kiệm Online...

- Sản phẩm vay: triển khai đa dạng các sản phẩm cho vay đáp ứng nhiều mục đích và đối tượng khách hàng cá nhân như sản phẩm cho vay bất động sản; cho vay có tài sản bảo đảm là thẻ tiết kiệm; cho vay tiêu dùng; cho vay mua xe ô tô; cho vay nông nghiệp; cho vay kinh doanh...
- Ngân hàng điện tử: bao gồm đa dạng các dịch vụ SMS Banking; Mobile Banking; Internet Banking; và tiện ích chức năng như tài khoản số đẹp; tiện ích VNPAY; vay cầm cố sổ tiết kiệm mở tại quầy trên App HDBank...
- Thẻ: bao gồm các sản phẩm, dịch vụ dành cho thẻ tín dụng; thẻ ghi nợ; thẻ trả trước;
- Bảo hiểm: bao gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho khách hàng cá nhân;
- Ngoại tệ: bao gồm các sản phẩm, dịch vụ giao dịch ngoại tệ; và chuyển tiền quốc tế;
- Dịch vụ kiều hối: bao gồm các dịch vụ chi trả kiều hối từ nhiều thị trường khác nhau và đa dạng cách thức chi trả (chi tại nhà, chi tại quầy, chi chuyển khoản);
- Các sản phẩm dịch vụ khác.
- **Sản phẩm dịch vụ dành cho doanh nghiệp:**
- Quản lý dòng tiền:
 - + Dịch vụ tiền gửi: Tiền gửi có kỳ hạn, Tiền gửi có kỳ hạn online; eAccount – Tài khoản trực tuyến; Tài khoản ký quỹ; Tài khoản thanh toán; HDBank Bemax – Tài khoản tối đa lợi ích;
 - + Dịch vụ quản lý tiền mặt: Dịch vụ thu tiền có quản lý thông tin; Dịch vụ chi tiền mặt tại quầy HDBank; Dịch vụ Ủy thác thanh toán; Dịch vụ Chi lương nhân viên/hoa hồng đại lý; Dịch vụ thu/chi tiền mặt tại địa điểm chỉ định; Giải pháp tài khoản thanh toán mã hóa; Giải pháp thu hộ tiền mặt thông qua ứng dụng số - eCash;
 - + Dịch vụ thanh toán: Nộp thuế, lệ phí Hải quan điện tử & thông quan 24/7; Nạp tiền giao thông EPASS; Thanh toán học phí SSC; Thanh toán hóa đơn; Thu ngân sách nhà nước cho cơ quan thuế tại quầy giao dịch & nộp thuế điện tử;
 - + Dịch vụ khác: eDoc - Chuyển chứng từ online, eBanking - Ngân hàng điện tử, Gói giải pháp tài chính số dành cho Trường học, Gói giải pháp tài chính số dành cho cơ sở Y tế;
 - + Gói giải pháp: Gói chi lương Happy Di-Payroll.
- Tín dụng:
 - + Tài trợ vốn lưu động: Thấu chi tài khoản doanh nghiệp; Sản phẩm tài trợ chi lương cho khách hàng doanh nghiệp; eCredit – Cấp tín dụng doanh nghiệp online; eDrawdown – Giải ngân Online; Tài trợ doanh nghiệp cung ứng Dược và vật tư y tế cho Bệnh viện/Sở Y tế...
 - + Tài trợ trung dài hạn: Tài trợ khách hàng doanh nghiệp đầu tư xây dựng, mua lại nhà xưởng – nhà kho; Tài trợ cho khách hàng doanh nghiệp xây lắp các dự án điện mặt trời trên mái nhà; Cấp tín dụng mua xe ô tô dành cho khách hàng doanh

pháp tài chính cá nhân hóa, được “may đo” riêng cho từng tệp khách hàng, và đã mang lại những giá trị đột phá cho người dùng. HDBank có gói sản phẩm dịch vụ cho ngành lâm, thủy sản; ngành xuất khẩu lúa gạo; tài trợ cho vay; tài trợ bảo lãnh; dịch vụ chi trả lương qua tài khoản thẻ HDBank...

Nhiều chương trình ưu đãi cùng các sản phẩm chuyên biệt của HDBank đã nhanh chóng thu hút nhiều khách hàng để mở rộng thị phần, với những chuỗi liên kết và chuỗi giá trị hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh. Với chiến lược cho vay theo chuỗi liên kết, HDBank đang cùng các doanh nghiệp và bà con nông dân nắm bắt cơ hội tăng trưởng trong thị trường gạo đầy tiềm năng, góp phần mở ra kỳ vọng ngành lúa gạo Việt Nam hướng tới những kỷ lục mới, với vị thế mới trên trường quốc tế.

Định hướng trong thời gian tới, HDBank kiên định mục tiêu phát triển bền vững, trở thành ngân hàng số hiện đại, đóng góp tích cực thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển ngành Ngân hàng định hướng đến năm 2030 và chương trình Chuyển đổi số quốc gia.

Liên tục mở rộng không gian tăng trưởng

Là ngân hàng thương mại lớn, hoạt động an toàn và hiệu quả hàng đầu trên thị trường, với bề dày hoạt động và giàu kinh nghiệm trong thực tiễn tái cấu trúc các tổ chức tài chính, HDBank tiên phong thực hiện nhiệm vụ lớn theo chủ trương của Đảng và Nhà nước để góp sức ổn định, phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Trong đó, thương vụ nhận chuyển giao Ngân hàng Đông Á là một trong những cột mốc quan trọng trong chiến lược của HDBank trong việc mở rộng không gian tăng trưởng và hệ sinh thái, góp phần tăng giá trị lâu dài cho ngân hàng.

Như vậy, sau hơn 12 năm với thương vụ sáp nhập Đại Á Bank vào năm 2013, đến nay, HDBank tiếp tục sử dụng chiến lược M&A để cộng hưởng sức mạnh, giúp Ngân hàng mở rộng quy mô và thị phần, tăng năng lực cạnh tranh và nâng cao vị thế trong ngành.

Theo đó, HDBank sẽ tiếp tục phát huy lợi thế về mạng lưới, đa dạng hóa, cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ với chất lượng cao dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, nhất là khách hàng tại địa bàn nông nghiệp, nông thôn.

Trách nhiệm với cộng đồng

Hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng số hạnh phúc, HDBank – “Happy Digital Bank” đã góp phần mang lại hạnh phúc cho khách hàng, cán bộ nhân viên và người dân thông qua các chương trình tín dụng tiêu dùng, cho vay công nhân và người lao động với lãi suất ưu đãi, liên kết với các dự án nhà ở xã hội, tư vấn cho khách hàng quản lý tài chính cá nhân trên nền tảng công nghệ hiện đại, xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc cho cán bộ nhân viên...

Song hành cùng thành tựu kinh doanh, an sinh xã hội luôn là một trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững của HDBank - không chỉ đồng hành cùng khách hàng trong phát triển kinh tế, mà còn sát cánh cùng Chính phủ trong những chương trình vì cộng đồng. HDBank và các đối tác chiến lược của mình đã đóng góp 2.600 căn nhà, giúp hàng nghìn hộ nghèo, gia đình chính sách có nơi ở kiên cố, an toàn.

HDBank còn triển khai nhiều chương trình ý nghĩa như tài trợ cho các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng (xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, cầu nông thôn, trùng tu di tích lịch

sử...); tài trợ cho giáo dục (trao tặng học bổng, nâng cấp và xây dựng trường học, tặng quà cho các làng trẻ em SOS...); tài trợ y tế (trao tặng thẻ Bảo hiểm y tế, kinh phí phẫu thuật mắt, kinh phí mua máy chạy thận...). Gần 2 thập kỷ qua, những chương trình an sinh xã hội như trao thẻ bảo hiểm y tế, trao kinh phí phẫu thuật mắt... đã trở thành một phần của thương hiệu HDBank, một cách bền bỉ và hết lòng, đã khơi mạch nguồn yêu thương tới các hoàn cảnh kém may mắn.

Năm 2025, HDBank năm thứ 9 đồng hành cùng giải Bóng đá Futsal Việt Nam. HDBank cũng đã ghi dấu ấn đậm nét với hơn một thập kỷ đồng hành cùng Giải Cờ vua Quốc tế HDBank. Với HDBank, các hoạt động thể thao là một hành trình cùng cộng đồng nuôi dưỡng thể chất, tinh thần và khát vọng; là cầu nối truyền cảm hứng sống tích cực, hun đúc tinh thần vượt khó, ý chí bền bỉ và sức mạnh đoàn kết. Đây cũng là những giá trị cốt lõi góp phần kiến tạo một nền kinh tế nhân văn và xã hội phát triển bền vững.

Trước đó, HDBank phối hợp cùng Tập đoàn FPT đã đóng góp, chung tay với Bộ Tài chính tham gia xử lý tình trạng nghẽn mạng trên sàn HoSE. Kết quả sau ba tháng, hệ thống do hai tập đoàn thực hiện đã được triển khai, chuyển giao, đưa vào hoạt động thông suốt, an toàn từ ngày 05/07/2021 với năng lực xử lý gấp 3-5 lần hệ thống cũ. Với hệ thống giao dịch mới (3-5 triệu lệnh/ngày), hệ thống mới sẽ đáp ứng nhu cầu của HoSE và thị trường ít nhất 3-5 năm tới, đồng thời HoSE hoàn toàn làm chủ về công nghệ để có thể mở rộng trong tương lai.

Nhiều danh hiệu và giải thưởng uy tín là những ghi nhận xứng đáng dành cho HDBank trong năm 2025. Trong đó, có Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh với thành tích xuất sắc trong công tác nộp Ngân sách Nhà nước, ghi dấu mốc bảy năm liên tiếp HDBank đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc chấp hành pháp luật về thuế và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước.

b) *Thị phần của HDBank trong ngành ngân hàng:*

Bảng 30: Thị phần HDBank trong ngành ngân hàng tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Cho vay khách hàng (*)	Tiền gửi của khách hàng
HDBank	931.104	78.286	546.371	560.714
Thị phần HDBank trong ngành ngân hàng	4,40%	4,40%	3,86%	4,38%
Thứ hạng của HDBank trong ngành ngân hàng	#8	#8	#10	#10

Nguồn: Số liệu được tổng hợp và tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán của các Ngân hàng TMCP đại chúng dựa trên cơ sở dữ liệu của FiinPro-X

(*) Số liệu chưa bao gồm dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Thông tin về một số dự án đã và đang được HDBank triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

Bảng 31: Một số dự án phát triển hoạt động kinh doanh đã và đang triển khai

STT	Tên Dự án/ Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
1	Kiosk Banking - Tối ưu mạng hóa lưới Chi nhánh & ATM	Hoàn tất quy hoạch mạng lưới toàn quốc, đưa vào vận hành mô hình Kiosk tại các khu vực đô thị đông dân. Đã hoàn thành tháng 04/2025.	Góp phần chuyển đổi mô hình phục vụ theo hướng tinh gọn – hiệu quả. Tối ưu hóa chi phí vận hành, cải thiện năng lực phục vụ tại điểm chạm vật lý, đặc biệt tại các khu vực tăng trưởng chiến lược (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, vùng ven).
2	Dự án Tư vấn Quản trị ESG và tài chính bền vững	Đang trong giai đoạn nghiệm thu dự án và dự kiến hoàn thành trong Quý II/2026.	Góp phần nâng cao uy tín và vị thế của HDBank, thu hút các nhà đầu tư dài hạn hướng tới phát triển bền vững thông qua việc xây dựng chiến lược và hệ thống quản trị ESG toàn diện trên toàn hệ thống, tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro ESG, hoàn thiện khung tài chính xanh và bền vững, và triển khai công cụ báo cáo ESG tiên tiến.
3	Chương trình mở rộng độ phủ ngân hàng tại nông thôn	Đang triển khai dự án. Tiến hành triển khai phạm vi trên toàn hệ thống HDBank từ tháng 12/2024 và tiếp tục triển khai đến nay.	Là một trong các chương trình thể hiện định hướng chiến lược “tài chính toàn diện”. Không chỉ mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho khu vực nông thôn, chương trình còn giúp HDBank khai phá dư địa tăng trưởng mới, đa dạng hóa danh mục khách hàng và thúc đẩy hoạt động tín dụng lành mạnh.
4	Chương trình giải pháp ngành cho các ngành ưu tiên	Đã triển khai toàn hệ thống HDBank. Ban hành các hướng dẫn định hướng tiếp cận khách hàng chuyên biệt theo ngành (nông nghiệp, y tế, giáo dục, năng lượng, giao thông vận tải, may mặc, hàng tiêu dùng...) Thời điểm hoàn thành vào Quý II/2025.	Là chương trình tạo lợi thế cạnh tranh theo chiều sâu. Việc thiết kế giải pháp tài chính chuyên biệt theo đặc thù từng ngành trọng tâm theo định hướng chiến lược của Ngân hàng giúp HDBank tối ưu hóa cấu trúc tín dụng – tăng trưởng hiệu quả – kiểm soát rủi ro theo ngành. Các gói sản phẩm, chương trình kinh doanh theo ngành được xây dựng linh hoạt, đồng bộ với chu kỳ kinh doanh và cấu trúc dòng tiền của doanh nghiệp trong các lĩnh vực trọng tâm của Ngân hàng như: Logistics, Xây dựng, FMCG, Nông nghiệp và Chăn nuôi. Sự tinh chỉnh này không chỉ giúp khách hàng tối ưu hóa chi phí vốn, khơi thông dòng tiền sản xuất

STT	Tên Dự án/ Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
			kinh doanh mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt cho HDBank trên thị trường tài chính, đồng thời nâng cao vị thế ngân hàng đồng hành cùng phát triển kinh tế quốc gia ở các ngành kinh tế trọng điểm.
5	Mở rộng quy mô nền tảng VCF (Value Chain Finance)	<p>Đã golive Nền tảng chuỗi và mở rộng triển khai đến các nhóm ngành ưu tiên. Tích hợp dữ liệu chuỗi cung ứng – kết nối hệ sinh thái đầu vào – đầu ra.</p> <p>Triển khai từ năm 2021 và hiện tại đang tiếp tục triển khai.</p>	Là chương trình tiên phong trong chiến lược phục vụ toàn diện chuỗi giá trị doanh nghiệp. Các sản phẩm tài trợ chuỗi tiếp tục được may đo và tinh chỉnh theo từng ngành trọng điểm, từng chuỗi giá trị của doanh nghiệp đầu mối uy tín trên thị trường; kết hợp với giải pháp tài trợ chuỗi qua nền tảng Platform - định vị là một “hệ sinh thái tài chính số” giúp kết nối liền mạch dòng vốn giữa ngân hàng, doanh nghiệp đầu mối và hệ sinh thái của doanh nghiệp đầu mối. VCF giúp HDBank không chỉ cung cấp tài chính cho doanh nghiệp chính mà còn mở rộng phục vụ đến nhà cung cấp, đại lý, đối tác... Nhờ đó, ngân hàng nâng cao khả năng giữ chân doanh nghiệp lớn, đồng thời khai thác hiệu quả phân khúc SMEs vệ tinh – một nguồn CASA và tín dụng chất lượng cao.
6	Khách hàng đặc biệt (Priority Banking)	<p>Triển khai mô hình kinh doanh Khách hàng đặc biệt tại tất cả Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống HDBank.</p> <p>Đã hoàn thành tháng 12/2024. Hiện nay đang tiếp tục triển khai, đồng thời phát triển thêm nhiều giải pháp, ưu đãi nhằm thu hút thêm khách hàng Priority.</p>	Đây là phân khúc mang lại giá trị tài chính và thương hiệu lớn cho ngân hàng. Chương trình giúp HDBank giữ chân khách hàng có giá trị vòng đời cao (CLV), tăng thu nhập ngoài lãi, đồng thời nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp – đẳng cấp trong thị trường tài chính.
7	Phát triển đối tác chiến lược	Đã hoàn tất bộ giải pháp và triển khai trên toàn quốc.	Là chương trình chiến lược mở rộng nền tảng khách hàng thông qua hệ sinh thái sản phẩm – dịch vụ tích hợp giữa khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá

STT	Tên Dự án/ Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
		Tiếp tục phát triển tính năng mới và triển khai dự án liên tục.	nhân. Không chỉ giúp gia tăng CASA từ khách hàng doanh nghiệp, chương trình còn xây dựng kết nối chặt chẽ với chủ doanh nghiệp, tạo đòn bẩy phát triển mảng tài sản, thẻ và ngân hàng số. Đây là một trong những mô hình bán chéo kiểu mẫu, hướng đến tăng CLV & giảm chi phí thu hút khách hàng mới (CAC).
8	Tăng trưởng CASA	Đang triển khai dự án liên tục.	Là mục tiêu trọng tâm của chiến lược tối ưu chi phí vốn. Việc tăng trưởng CASA không chỉ giúp cải thiện NIM mà còn hỗ trợ mở rộng quy mô tín dụng, phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ/ngân hàng doanh nghiệp và duy trì nền tảng thanh khoản ổn định cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Nguồn: HDBank

8.6. Chiến lược kinh doanh

8.6.1. Mục tiêu phát triển chiến lược

HDBank đặt mục tiêu và tầm nhìn chiến lược trở thành ngân hàng hàng đầu về bán lẻ, SME và tiêu dùng, là một trong những tập đoàn tài chính ngân hàng lớn của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, đóng góp cho sự phát triển, hội nhập của thị trường tài chính toàn cầu, dựa trên 3 mục tiêu chính:

Ngân Hàng Số – Đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của mọi người dân – Ngân hàng số hạnh phúc.

Tài Chính Tiêu Dùng – Chú trọng phát triển HD SAISON trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng, đồng thời hoàn thiện và thúc đẩy khai thác hiệu quả hệ sinh thái Tài chính – Hàng không – Bán lẻ – Tiêu dùng – Năng lượng – Viễn thông – Bất động sản, hướng đến mục tiêu phục vụ khoảng hơn 40 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế, mang đến lợi ích cao nhất cho cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên.

Ngân Hàng Xanh – Kiên định với chiến lược phát triển bền vững, tiếp tục phát triển mạnh ngân hàng Xanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế Xanh, vì sự phát triển của cộng đồng, môi trường, tương lai bền vững của Việt Nam.

8.6.2. Các mục tiêu chủ đạo trong định hướng kinh doanh năm 2026

- **Mục tiêu 1 – HDBank kiên định với mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu về đổi mới và chuyển đổi số**

Năm 2026, HDBank tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tài chính số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa quy trình vận hành và không ngừng nâng

cao trải nghiệm khách hàng.

▪ **Mục tiêu 2 – Nâng cao chuẩn mực quản trị và an toàn hệ thống**

HDBank sẽ tiếp tục phát triển toàn diện hệ thống quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật, minh bạch hóa sản phẩm và thông tin, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu. Mục tiêu là xây dựng HDBank trở thành đối tác tài chính được khách hàng, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và cán bộ nhân viên tin tưởng và đồng hành lâu dài.

▪ **Mục tiêu 3 – Lấy khách hàng là trung tâm của mọi quyết định kinh doanh**

Năm 2026, HDBank triển khai đồng bộ các chuẩn mực dịch vụ, đẩy mạnh cá nhân hóa giải pháp tài chính theo nhu cầu thực tế của từng phân khúc khách hàng. Sự tận tâm không chỉ nằm ở thái độ phục vụ, mà còn ở trách nhiệm đồng hành cùng khách hàng trong suốt vòng đời tài chính, giúp khách hàng phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững.

▪ **Mục tiêu 4 – Kinh doanh có trách nhiệm và nhân văn**

HDBank kiên định chiến lược tăng trưởng bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội. Hoạt động kinh doanh phải đảm bảo minh bạch, nhân văn và phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng. Song song, HDBank tiếp tục đóng góp tích cực cho cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội, giáo dục tài chính, đúng với tinh thần kinh doanh tử tế – phát triển có trách nhiệm.

▪ **Mục tiêu 5 – Tăng cường gắn kết con người – phát triển bền vững**

HDBank luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, tạo điều kiện để mỗi cán bộ nhân viên phát triển sự nghiệp dài hạn, có cơ hội cống hiến và trưởng thành.

HDBank xác định con người là nguồn lực quý giá nhất của ngân hàng, và phát triển con người là một trong ba trụ cột của HDBank, bên cạnh trụ cột nguồn vốn và công nghệ.

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

Tại thời điểm ngày 31/03/2026, HDBank có 01 cổ đông lớn là tổ chức với thông tin như sau:

Tên cổ đông lớn:	Công ty Cổ phần Sovico
Năm thành lập:	2008
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Giấy đăng ký kinh doanh số 0103028102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2008 và các lần đăng ký thay đổi
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính:	Phòng 1102, Tầng 11, Tòa Nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 VND
Người đại diện theo pháp	Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm

luật:	Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại HDBank:	Không có
Số lượng cổ phần của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank:	500.140.707 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 9,99% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của Người có liên quan của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank:	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, sở hữu 54.441.226 cổ phần, tương ứng 1,088% vốn điều lệ - Ông Nguyễn Cảnh Sơn, Người quản lý, sở hữu 1.384.235 cổ phần, tương ứng 0,028% vốn điều lệ
Lợi ích liên quan đối với HDBank:	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng, giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa đại diện theo ủy quyền của Cổ đông lớn và người có liên quan của họ với HDBank: Không có - Không có lợi ích mâu thuẫn với HDBank

Nguồn: HDBank

10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

10.1. Hội đồng quản trị

Bảng 32: Danh sách Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	(Ông) Kim Byounggho	Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập
2	(Bà) Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực
3	(Ông) Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT
4	(Ông) Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch HĐQT
5	(Ông) Phạm Quốc Thanh	Phó Chủ tịch HĐQT
6	(Ông) Lê Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT như sau:

10.1.1. (Ông) Kim Byounggho – Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trường Kinh doanh Haas, Đại học California, Berkeley, Hoa Kỳ

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2022 – 03/2025	Thành viên HĐQT độc lập	SK Inc. (Hàn Quốc)
Từ 2018 – 2019	Thành viên Ủy ban Cố vấn cấp cao	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2015 – 2018	Phó Chủ tịch HĐQT	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 2014 – 2015	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2009 – 2014	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp/ Giám đốc Marketing/ Phó Chủ tịch	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2005 – 2009	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Nguồn vốn/ Giám đốc chiến lược/ Phó Chủ tịch	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 1991 – 2005	Giám đốc Khối Kế hoạch Chiến lược/ Giám đốc Chi nhánh New York	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 1988 – 1991	Giám đốc Quan hệ Khách hàng	First National Bank of Chicago (Hoa Kỳ)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 240.328 cổ phần, tương ứng 0,0048% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.2. (Bà) Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân tài chính và tín dụng – Học viện kinh doanh Quốc tế

Matxcova – Liên bang Nga

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2003 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2015 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 04/2023 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2007 – 04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny
Từ 2020 – 2023	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH GalaxyOne
Từ 11/2013 – 05/2015	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Finance)
Năm 2006	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Năm 2005	Cố đồng, Sáng lập viên	Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB)
Từ 1992 – 2021	Phó Chủ tịch, Chủ tịch điều hành, Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sovico

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 169.574.091 cổ phần, tương ứng 3,3879% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 1.384.235 cổ phần, tương ứng 0,0277% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.3. (Ông) Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1960

- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế – Đại học New England (Úc)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2020 – 05/2025	Thành viên HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2020 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Từ 2010 – 05/2023	Chủ tịch Ban đại diện	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam VFMVF1 (Nay là Quỹ Đầu tư Chứng khoán Năng động DC)
Từ 2011 – 2020	Giám đốc Điều hành	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2008 – 2009	Giám đốc	Công ty Cổ phần Sovico
Từ 2006 – 2008	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Năm 2006	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 1995 – 2006	Giám đốc chiến lược	Ngân hàng HSBC (Việt Nam)
Năm 1995	Giám đốc	Ngân hàng Vietcombank
Từ 1988 – 1995	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CCL Sài Gòn (thuộc Saigon Tourist)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 13.351.889 cổ phần, tương ứng 0,2668% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.4. (Ông) Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1954
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ

- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ ngành Tài chính Ngân hàng – Đại học Tài chính Matxcova – Liên Xô
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 04/2022	Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT Độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 08/2020 – nay	Thành viên Hội đồng trường	Trường Đại học Hòa Bình
Từ 2009 – 2014	Cục trưởng Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1993 – 2009	Phó vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1991 – 1993	Trưởng phòng Thư ký Đoàn Văn phòng Bộ	Bộ Tài chính
Từ 1986 – 1991	Chuyên viên Ban Thư ký	Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) – Matxcova
Từ 1983 – 1986	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vụ Ngân sách Nhà nước	Bộ Tài chính
Từ 1981 – 1983	Cán bộ Vụ Tài vụ công nghiệp nặng	Bộ Tài chính
Từ 1977 – 1981	Giảng viên	Trường Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 420.195 cổ phần, tương ứng 0,0084% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 138.420 cổ phần, tương ứng 0,0028% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có

10.1.5. (Ông) Phạm Quốc Thanh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 05/2025 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2023 – 05/2025	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – 04/2023	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2013 – 04/2020	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 07/2022 – nay	Thành viên Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 01/2012 – 02/2013	Giám đốc Khối CIB miền Nam	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 04/2007 – 12/2011	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 01/2006 – 03/2007	Giám đốc Chi nhánh Bình Tây	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Từ 09/1995 – 12/2005	Trưởng phòng tín dụng	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Từ 01/1994 – 08/1995	Nhân viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
Từ 06/1993 – 12/1993	Nhân viên kế toán	Công ty May Việt Tiến

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 10.561.732 cổ phần, tương ứng 0,2110% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 127 cổ phần, tương ứng 0.0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.6. (Ông) Lê Mạnh Dũng – Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1975
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trung tâm Pháp – Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG), Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2022 – nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – nay	Đại diện tại Việt Nam	Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG)
Từ 2007 – 2012	Giám đốc Đầu tư	Mekong Capital
Từ 2005 – 2007	Giám đốc nhóm tư vấn định chế tài chính	Citi Capital Partners
Từ 1997 – 2004	Trưởng phòng Tín dụng	Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh Hà Nội

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT độc lập
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHCĐ
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có

10.2. Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

Bảng 33: Danh sách Ban TGD, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	(Ông) Nguyễn Hữu Đặng	Tổng Giám đốc
2	(Ông) Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
3	(Ông) Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
4	(Ông) Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc
5	(Ông) Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc
6	(Ông) Đàm Thế Thái	Phó Tổng Giám đốc
7	(Ông) Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính
8	(Bà) Hồ Đặng Hoàng Quyên	Kế toán trưởng

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng như sau:

10.2.1. (Ông) Nguyễn Hữu Đăng - Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ ngành Ngân hàng – Đại học GRIGGS (Hoa Kỳ)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 13/05/2025 – nay	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 02/2025 – 05/2025	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki
Từ 04/2020 – 01/2025	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 12/2010 – 04/2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 – 2007	Nhân sự phụ trách kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – 12/2023	Tổng Giám đốc	Công ty TNHH GalaxyOne
Từ 1995 – 1999	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng Công thương Long An
Từ 1993 – 1995	Cán bộ chuyên quản các TCTD ngoài quốc doanh	NHNN Tỉnh Đồng Tháp

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.2. (Ông) Trần Hoài Nam - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam

- Năm sinh: 1965
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội; Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công nghiệp – Viện Công nghệ Châu Á
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2018 – nay	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)
Từ 02/2012 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 – 10/2023	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí
Từ 05/2015 – 12/2021	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet
Từ 09/2007 – 02/2012	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)
Từ 02/1996 – 09/2007	Giám đốc Quan hệ Khách hàng Cao cấp	Ngân hàng Citibank Việt Nam (Citibank)
Từ 08/1987 – 01/1996	Trưởng phòng	Tổng cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng/ Bộ Khoa học Công nghệ

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 4.251.881 cổ phần, tương ứng 0,0849% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 10.959 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.3. (Ông) Nguyễn Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội, Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Hàng Hải Việt Nam

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2000 – 2009	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)
Từ 1995 – 2000	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1994 – 1995	Phó Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 – 1994	Trưởng phòng Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 – 11/1992	Nhân viên	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1985 – 1992	Giảng viên	Đại học Hàng Hải

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 1.369.742 cổ phần, tương ứng 0,0274% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 3.600 cổ phần, tương ứng 0,0001% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.4. (Ông) Nguyễn Văn Hào - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tiếng Anh – Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội; Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 10/2020 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 11/2020	Thành viên HĐQT	Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2020 – 09/2020	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 04/2018 – 07/2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 06/2017 – 07/2020	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 03/2017 – 06/2017	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 09/2016 – 02/2017	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2016 – 08/2016	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 11/2015 – 04/2016	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 08/2015 – 10/2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2011 – 07/2015	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 12/2009 – 04/2011	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 08/2007 – 11/2009	Giám đốc Tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 12/2000 – 07/2007	Trưởng phòng kế toán và hệ thống	The bank of Tokyo Mitsubishi UFJ - Chi nhánh Hà Nội
Từ 12/1997 – 11/2000	Trưởng phòng kế toán; Kế toán trưởng	Công ty phát triển tin học, công nghệ và môi trường - Công ty thành viên của Tổng Công ty Than Việt Nam
Từ 06/1997 – 11/1997	Nhân viên	Công ty kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán Sài Gòn

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 599.587 cổ phần, tương ứng 0,0120% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác

ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.5. (Ông) Trần Thái Hòa - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1968
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Xây dựng cơ bản, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 05/2015 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 – 2015	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 2008 – 2010	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 1995 – 2008	Chuyên viên	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
Từ 1991 – 1994	Kinh doanh	

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 1.120.521 cổ phần, tương ứng 0,0224% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.6. (Ông) Đàm Thế Thái – Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Tài chính - Solvay Brussels School - Bỉ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 06/2025 – nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách NHBL	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2022 – 05/2025	Giám đốc Kinh doanh Ngân hàng số, Giám đốc Kinh doanh Ngân hàng số kiêm Giám đốc Trung Tâm Thẻ, Giám đốc Trung Tâm Thẻ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2015 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Tài Chính TNHH HD SAISON
Từ 2012 – 2014	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2011 – 2012	Phó Tổng Giám đốc	VPĐD Công ty Cổ phần Sovico
Từ 2010 – 2011	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân	Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBank)
Từ 2005 – 2007	Phó Giám đốc ngân hàng (Chi nhánh Tân Bình)	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB)
Từ 2003 – 2005	Quản lý quan hệ khách hàng	Ngân hàng HSBC Việt Nam

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 729.726 cổ phần, tương ứng 0,0146% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có

10.2.7. (Ông) Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 13/05/2025 – nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Ngân hàng TNHH Một Thành viên Số Vikki
Từ 02/2025 – 05/2025	Thành viên Hội đồng thành viên	Ngân hàng TNHH Một Thành viên Số Vikki
Từ 08/2023 – nay	Giám đốc Tài chính kiêm Giám đốc Khối Nhân sự	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 09/2009 – 08/2023	Giám đốc Tài chính	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 06/2021	Thành viên Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần hàng không Vietjet
Từ 08/2008 – 09/2009	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2008 – 08/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 03/2005 – 03/2008	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 11/2002 – 02/2005	Phó phòng kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 – 2002	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1995 – 1999	Chuyên viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Đệ Nhất

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Giám đốc Tài chính kiêm Giám đốc Khối Nhân sự
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 194.661.044 cổ phần, tương ứng 3,8891% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 6.200 cổ phần, tương ứng 0,0001% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.8. (Bà) Hồ Đặng Hoàng Quyên – Kế toán trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ

- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2011 – nay	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 – 07/2011	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 12/2006 – 01/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Phú Thọ
Từ 11/2004 – 12/2006	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Lãnh Binh Thăng
Từ 06/2004 – 11/2004	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2004 – 06/2004	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 02/1998 – 03/2004	Thanh toán viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 12.706 cổ phần, tương ứng 0,0003% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

10.3. Ban Kiểm soát

Bảng 34: Danh sách Thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	(Ông) Đào Duy Tường	Trưởng BKS
2	(Bà) Đường Thị Thu	Thành viên BKS
3	(Bà) Bùi Thị Kiều Oanh	Thành viên BKS
4	(Ông) Nguyễn Lê Hiếu	Thành viên BKS

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên BKS như sau:

10.3.1. (Ông) Đào Duy Tường – Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2010 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Kế toán trưởng	Công ty CP Đầu tư Sóng Việt
Từ 2007 – 2008	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Công ty XNK Nhà Bè
Từ 2004 – 2007	Kế toán trưởng	Công ty CP ĐT XD & PT hạ tầng Phú An
Từ 1997 – 2004	Kế toán trưởng	Xí nghiệp 347, Công ty Sông Hồng - Bộ Quốc phòng

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 124.167.780 cổ phần, tương ứng 2,4807% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 7.527.196 cổ phần, tương ứng 0,1504% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.2. (Bà) Đường Thị Thu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Học viện Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2020 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2014 – 2020	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2012 – 2014	Trưởng Kiểm toán Nội bộ Khu vực phía Bắc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2006 – 2012	Kiểm toán viên Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2002 – 2005	Giảng viên	Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 47.983 cổ phần, tương ứng 0,0010% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.3. (Bà) Bùi Thị Kiều Oanh – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng – ĐH DL Thăng Long, Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2019 – 03/2022	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2016 – 2019	Phó giám đốc Phụ trách khối KHCN	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
Từ 2014 – 2016	Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Phòng Giao dịch An Đông	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 2010 – 2014	Trưởng phòng Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank)
Từ 2003 – 2010	Kiểm soát viên Tín dụng – Chi nhánh Hải Phòng/ Chi nhánh Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHCĐ.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3.4. (Ông) Nguyễn Lê Hiếu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1986
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ, chuyên ngành Kinh tế Phát triển – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 02/2025 – nay	Trưởng Ban kiểm soát	Ngân hàng TNHH Một Thành viên Số Vikki
Từ 2022 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 11/2011 – nay	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê Gia Phát
Từ 2020 – 2021	Thành viên đội triển khai Basel	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2019 – 2020	Nhân viên phòng Kiểm toán và Kiểm soát nội bộ	Công ty CP Tập đoàn Sovico
Từ 2016 – 2019	Trưởng Kiểm toán Nội bộ khu vực	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Năm 2015	Giám đốc Phòng giao dịch Chánh Hưng (tên cũ PGD Cao Thắng), Chi nhánh An Đông	Ngân hàng TMCP Nam Á (NamABank)
Từ 2014 – 2015	Trưởng kiểm toán nội bộ khu vực Đông Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – 2014	Kiểm toán viên nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 – 2013	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Từ 2009 – 2010	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 1.107.389 cổ phần, tương ứng 0,0221% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm ngày 31/03/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 31/03/2026: Không có

11. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại

HDBank thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi các trái phiếu đến hạn trong 03 năm liền trước năm đăng ký niêm yết và tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này.

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

12.1. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm 31/03/2026, số dư trái phiếu HDBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 64.236 tỷ Đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 14.226 tỷ Đồng
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 50.010 tỷ Đồng

Bảng 35: Thông tin về các trái phiếu đang lưu hành

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2024 (*)	Giá trị tại 31/12/2025 (*)	Giá trị tại 31/03/2026 (*)
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0
	Từ 5 năm trở lên	35.644	39.963	41.660
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	16.550	18.254	18.256
	Từ 5 năm trở lên	4.650	4.320	4.320
Tổng		56.844	62.537	64.236

Nguồn: HDBank

(*) Giá trị trái phiếu đang lưu hành được tính theo mệnh giá

Chi tiết được trình bày tại Mục V.2.1.2 của Bản Cáo Bạch này.

12.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 36: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 31/12/2025

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Chi phí các hợp đồng thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của HDBank	353	385
2	Bất động sản là tài sản HDBank đang sở hữu	1.298	1.309
	a) Nhà cửa (nguyên giá)	570	581
	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	728	728

Nguồn: HDBank

12.3. Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 37: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
1	Bảo lãnh vay vốn	809	10
2	Cam kết giao dịch hối đoái	199.138	175.879
	Cam kết mua ngoại tệ	6.817	3.923
	Cam kết bán ngoại tệ	8.977	2.087
	Cam kết giao dịch hoán đổi	183.344	169.869

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
	<i>Cam kết giao dịch tương lai</i>	-	-
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	46.477	21.896
4	Bảo lãnh khác	24.925	21.910
5	Các cam kết khác	12.364	8.754
6	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	3.336	4.603
7	Nợ khó đòi đã xử lý	20.135	29.593
8	Tài sản và chứng từ khác	47.589	63.177
	Tổng cộng	354.773	325.823

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ngoài thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.12 của Bản Cáo Bạch này, tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, các vụ tranh chấp, kiện tụng mà HDBank tham gia chủ yếu là với tư cách nguyên đơn trong các vụ khởi kiện khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với HDBank nhằm thu hồi nợ và hầu hết HDBank đều bảo toàn được vốn vay với các vụ tranh chấp này. Ngoài ra, HDBank cũng tham gia một số vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các vụ án dân sự, hình sự của khách hàng vay của HDBank với tổ chức, cá nhân khác, và hầu hết các vụ án này HDBank đều kiểm soát và đảm bảo được quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Do vậy, theo thông tin và tin tưởng tốt nhất của HDBank, các vụ tranh chấp và kiện tụng này không ảnh hưởng đến điều kiện phát hành và niêm yết Trái Phiếu.

14. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

HDBank cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Bảng 38: Một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	684.976	913.235	33,32%
Thu nhập lãi thuần	25.409	28.964	13,99%
Tổng thu nhập hoạt động	27.577	35.479	28,65%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	17.949	26.429	47,24%
Lợi nhuận trước thuế	15.695	19.645	25,17%
Lợi nhuận sau thuế	12.457	15.664	25,74%
Tỷ lệ trả cổ tức	25%	N/A	N/A

Nguồn: HDBank

Bảng 39: Một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	697.366	931.104	33,52%
Thu nhập lãi thuần	30.857	34.746	12,60%
Tổng thu nhập hoạt động	34.032	42.695	25,46%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	22.051	31.095	41,01%
Lợi nhuận trước thuế	16.730	21.346	27,59%
Lợi nhuận sau thuế	13.248	17.074	28,88%
Tỷ lệ trả cổ tức	25%	N/A	N/A

Nguồn: HDBank

Kết thúc năm 2025, HDBank đã hoàn thành 100,79% kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất và 100,23% kế hoạch riêng lẻ và các chỉ tiêu tài chính cơ bản khác vượt kế hoạch chiến lược và cam kết với nhà đầu tư. Một số điểm nhấn nổi bật như sau: Tổng tài sản của HDBank tại 31/12/2025 theo BCTC hợp nhất đạt 931.104 tỷ đồng, tăng 33,52% so với thời điểm cuối

năm 2024 và đạt 104,57% so với kế hoạch; Quy mô vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 đạt 78.286 tỷ đồng, tăng 38,18% so với thời điểm cuối năm 2024. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ với Lợi nhuận sau thuế trong năm 2025 đạt 17.074 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng cao là 28,88% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận năm 2025 của HDBank đạt kết quả tích cực là nhờ tăng cường hiệu quả hoạt động và áp dụng các sáng kiến chuyển đổi số của HDBank. Trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 34.746 tỷ đồng, tăng 12,60% so với cuối năm 2024, chi phí hoạt động và chi phí dự phòng rủi ro kiểm soát trong hạn mức đề ra.

1.1.2. Các chỉ tiêu khác:

a) Cơ cấu chi phí trong thu nhập

Bảng 40: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/ giảm
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26.545	32.613	22,86%
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	51,09%	52,96%	
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	1.875	1.567	-16,43%
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	78,42%	33,17%	
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	9.630	9.050	-6,02%
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	34,92%	25,51%	
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.254	6.784	200,98%
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	12,56%	25,67%	

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần) (riêng)

Bảng 41: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/ giảm
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27.138	33.246	22,51%
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	46,79%	48,90%	
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	1.879	1.572	-16,34%
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	57,01%	27,59%	

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/ giảm
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	11.981	11.601	-3,17%
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	35,21%	27,17%	
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	5.321	9.748	83,20%
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	24,13%	31,35%	

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần) (hợp nhất)

b) Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của HDBank, chi phí nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất, chiếm 57,34% chi phí hoạt động trong năm 2025; chi phí về tài sản có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng chi phí hoạt động (11,02% trong năm 2025); chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động (7,00% trong năm 2025).

Bảng 42: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí nhân viên	5.332	55,37%	4.881	53,93%	-8,46%
Chi về tài sản	1.037	10,77%	1.134	12,53%	9,35%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	0	0,00%	0	0,00%	0,00%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	411	4,27%	214	2,36%	-47,93%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	777	8,07%	793	8,76%	2,06%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng (*)	430	4,47%	543	6,00%	26,28%
Chi phí khác	1.643	17,06%	1.485	16,41%	-9,62%
Tổng chi phí hoạt động	9.630	100,00%	9.050	100,00%	-6,02%

Nguồn: HDBank

(*) Là Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng theo BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán của HDBank

Bảng 43: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí nhân viên	6.915	57,72%	6.652	57,34%	-3,80%
Chi về tài sản	1.162	9,70%	1.279	11,02%	10,07%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	418	3,49%	437	3,77%	4,55%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	459	3,83%	233	2,01%	-49,24%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	858	7,16%	812	7,00%	-5,36%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng ^(*)	430	3,59%	543	4,68%	26,28%
Chi phí khác	1.739	14,51%	1.645	14,18%	-5,41%
Tổng chi phí hoạt động	11.981	100,00%	11.601	100,00%	-3,17%

Nguồn: HDBank

^(*) Là Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của HDBank

1.1.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán:

Chi tiết được trình bày tại Mục V.3 của Bản Báo Bạch này.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank trong năm báo cáo được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn như sau:

1.2.1. Những nhân tố thuận lợi:

- Định hướng có tầm nhìn chiến lược của HĐQT và sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Ban lãnh đạo, HDBank đã chủ động được các phương án ứng phó, thích nghi nhanh với những biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;
- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường, trở thành ngân hàng có độ nhận diện thương hiệu và sức khỏe thương hiệu thuộc Top dẫn đầu các Ngân hàng Thương mại Cổ phần;
- Bộ máy tổ chức ổn định, mô hình tổ chức mới được triển khai hoạt động mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng;

- HDBank đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của mọi người dân – Ngân hàng số hạnh phúc;
- HDBank đã linh hoạt đưa ra các phương án, sáng kiến nhằm đáp ứng các nhu cầu thay đổi của khách hàng, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do những tác động của nền kinh tế. Nhờ đó, HDBank đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả hoàn thành tốt kế hoạch năm 2025, tăng trưởng cao cả về quy mô và chất lượng;
- Trong năm 2025, Ngân hàng đã và đang tăng tốc số hóa toàn diện từ quy trình vận hành, báo cáo, quản trị, đến số hóa các hành trình khách hàng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm khách hàng;
- HDBank kiên định chiến lược phát triển bền vững, tập trung cho bán lẻ và số hóa gắn với nỗ lực nâng cao trải nghiệm và giá trị cho khách hàng, và là một trong những Ngân hàng có tốc độ tăng trưởng nhanh trong nhiều năm qua. Đồng thời, HDBank cũng đặt ra cho mình những trách nhiệm cụ thể hướng tới mục tiêu “phát triển bền vững”. Các mục tiêu chiến lược của HDBank được cụ thể hóa thành các sáng kiến chiến lược và các hành trình. Đến nay, các sáng kiến đã dần đưa vào vận hành góp phần tạo nền tảng vững chắc, tạo đà cho HDBank đạt được kết quả mục tiêu 5 năm vào năm 2025;
- Năm 2026, HDBank có tiềm năng duy trì vị thế là một trong những ngân hàng tăng trưởng tốt nhất tại Việt Nam. Với chiến lược tập trung vào tín dụng xanh, chuyển đổi số và phát triển bền vững, ngân hàng sẽ không chỉ mở rộng thị phần mà còn nâng cao giá trị thương hiệu, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội. HDBank sẽ tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ với sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại và mô hình kinh doanh bền vững.

1.2.2. Những nhân tố bất lợi:

- Tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2025 ở mức thấp do tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt tại phần lớn các quốc gia trên thế giới nhằm kiềm chế lạm phát, tổng cầu phục hồi yếu, những bất ổn về địa chính trị có xu hướng gia tăng, và sự thiếu ổn định của chuỗi cung ứng toàn cầu;
- Tăng trưởng tín dụng chưa cao và ngày càng khó khăn do cạnh tranh của hệ thống và các doanh nghiệp thu hẹp kinh doanh;
- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi;
- Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay... tương tự như các dịch vụ ngân hàng;
- Năm 2026, ngành ngân hàng phải đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức. Áp lực từ tỷ giá, lãi suất và sự cạnh tranh đòi hỏi ngành ngân hàng phải linh hoạt ứng phó. Các

chuyên gia nhận định, sự đổi mới và quản trị rủi ro hiệu quả sẽ là chìa khóa để ngành ngân hàng vươn xa hơn trên thị trường tài chính quốc tế.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của HDBank kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Năm 2026, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại, xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu “tác động tiêu cực kép” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2025, nhiều tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2026. Với sự ổn định trong chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số, và cam kết phát triển bền vững, Việt Nam có tiềm năng duy trì vị thế là điểm sáng tăng trưởng tại khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2025, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng TOP đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Hoạt động ngành nghề đặc thù, ngoài các khoản cho vay tín dụng và tiền gửi của các bên liên quan (NHNN, TCTD khác và tiền gửi của khách hàng) thì Ngân hàng còn có một số công nợ phải thu và phải trả khác, chi tiết như sau:

Bảng 44: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025
I	Nợ phải thu	55.128	38.600
1	Các khoản phải thu	48.166	22.151
2	Các khoản lãi, phí phải thu	5.271	5.988
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	156	34
4	Tài sản có khác	1.582	10.474
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-47	-47

II	Nợ phải trả	18.271	19.757
1	Các khoản lãi, phí phải trả	7.869	9.104
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	10.402	10.653

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

Bảng 45: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025
I	Nợ phải thu	56.044	39.669
1	Các khoản phải thu	48.316	22.310
2	Các khoản lãi, phí phải thu	5.384	6.221
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	156	73
4	Tài sản có khác	2.235	11.120
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-47	-54
II	Nợ phải trả	19.571	21.314
1	Các khoản lãi, phí phải trả	8.013	9.307
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	11.558	12.008

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 46: Danh sách trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/03/2026

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
I Năm 2019					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB1926_03	1.000.000.000	Cố định	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là nợ thứ cấp của HDBank
II Năm 2021					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBH2126008	1.000.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDBD2126019 (*)	4.332.735.000.000	Cố định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
III Năm 2022					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBH2227007	1.000.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDBL2232004	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của HDBank
3	HDBL2232005	26.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDBL2232009	34.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của HDBank

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
IV Năm 2023					
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2331004	1.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBL2331005	2.322.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBL2331006	848.600.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
4	HDBL2331007	2.534.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
5	HDBL2331008	375.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
6	HDBL2331009	420.400.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
V Năm 2024					
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y202302	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBC7Y202303	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2427001	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
					là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDBL2427015	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
3	HDBL2427018	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDBL2426019	900.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
5	HDBL2426026	850.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
6	HDBH2429027	1.150.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
7	HDBL2427028	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
8	HDBL2431002	300.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
9	HDBL2431003	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
10	HDBL2432004	200.000.000.000	Cố định	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
11	HDBL2432005	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
12	HDBL2432006	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
13	HDBL2432008	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
14	HDBL2431009	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
15	HDBL2431012	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
16	HDBL2432014	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
17	HDBL2432017	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
18	HDBL2432020	200.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
19	HDBL2431021	440.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
20	HDBL2432022	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
21	HDBL2432023	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
22	HDBL2432024	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
23	HDBL2432025	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
24	HDBL2431029	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
VI Năm 2025					
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y253201	2.500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
2	HDBC8Y253301	2.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
3	HDBC7Y253202	32.400.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
4	HDBC8Y253302	2.499.200.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB12501	2.000.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDB12506	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
3	HDB12507	800.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDB12508	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
					là nợ thứ cấp của HDBank
5	HDB12509	120.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
6	HDB12513	80.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
7	HDB12514	1.050.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
8	HDB12515	2.000.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
9	HDBL2528004 (*)	1.312.950.000.000	Thả nổi	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm
10	HDBL2528015 (*)	1.312.950.000.000	Thả nổi	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm
11	HDB12502	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
12	HDB12503	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
13	HDB12504	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
14	HDB12510	300.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
15	HDB12511	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
16	HDB12512	600.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
17	HDB12516	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
VII	Năm 2026				
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y263301	2.282.200.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
2	HDBC8Y263401	2.412.400.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
Tổng (I + II + III + IV + V + VI + VII)		64.235.835.000.000			

Nguồn: HDBank

(*) Trái phiếu phát hành riêng lẻ ra thị trường quốc tế, bằng đồng USD được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm 31/03/2026: USD/VND = 26.259

[Phần còn lại của trang được có ý để trống]

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

HDBank thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các loại phí theo quy định của Nhà nước, chi tiết như sau:

Bảng 47: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2025
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	853	3.859	-2.302	2.411
Thuế giá trị gia tăng	58	436	-449	45
Thuế thu nhập cá nhân	73	403	-447	29
Thuế nhà thầu	16	125	-112	29
Khác	9	10	-19	-
Tổng cộng	1.009	4.833	-3.328	2.515

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

Bảng 48: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2025
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	916	4.190	-2.592	2.514
Thuế giá trị gia tăng	60	519	-521	58
Thuế thu nhập cá nhân	74	459	-499	34
Thuế nhà thầu	16	127	-114	30
Khác	9	10	-19	-
Tổng cộng	1.075	5.304	-3.744	2.634

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và 2025 đã kiểm toán của HDBank

2.1.4. Trích lập các quỹ

HDBank thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và quyết định của ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

Tình hình trích lập các quỹ từ LNST của HDBank như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 49: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2024	Năm 2025 (*)
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.246	1.566
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.246	1.410
3	Quỹ phúc lợi	20	25
4	Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	25	30
5	Trích quỹ công ty con (phần thuộc sở hữu của cổ đông HDBank)	92	104
Tổng cộng		2.628	3.136

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Tờ trình của HĐQT số 03/2026/TT-HĐQT ngày 03/04/2026 của HDBank

(*) Việc trích lập các quỹ từ LNST của năm 2025 sẽ do ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của HDBank quyết định thông qua (dự kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 sẽ được tổ chức vào ngày 24/04/2026)

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2026, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại, xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu “tác động tiêu cực kép” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng,... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2025, nhiều tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2026. Với sự ổn định trong chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số, và cam kết phát triển bền vững, Việt Nam có tiềm năng duy trì vị thế là điểm sáng tăng trưởng tại khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2025, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng Top đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 50: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	35.101	50.053
Vốn tự có	tỷ Đồng	82.053	110.789
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	13,61%	16,37%
2. Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ quá hạn (**)	%	4,72%	3,70%
Tỷ lệ nợ xấu (**)	%	1,28%	1,50%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	62,13%	63,48%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	88,48%	95,56%
3. Khả năng thanh khoản			
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,98%	17,32%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (***)	%	17,20%	20,09%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR) (***)	%	68,48%	66,96%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	32,29%	30,90%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,46%	2,46%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	4,71%	4,13%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,95%	1,96%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	25,63%	24,64%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	N/A	N/A
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	1,87%	8,90%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	3,29%	16,07%

Nguồn: HDBank

Bảng 51: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	35.101	50.053
Vốn tự có	tỷ Đồng	87.255	117.422
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	14,03%	16,72%
2. Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ quá hạn (**)	%	5,07%	3,99%
Tỷ lệ nợ xấu (**)	%	1,48%	1,66%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	62,91%	64,25%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	88,82%	95,74%
3. Khả năng thanh khoản			
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,67%	17,77%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (***)	%	18,15%	20,68%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR) (***)	%	70,95%	68,79%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	32,47%	31,64%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,57%	2,62%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	5,58%	4,84%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,04%	2,10%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	25,71%	25,30%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	3.671	3.584
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	4,16%	9,66%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	8,47%	19,33%

Nguồn: HDBank

(*) Tỷ lệ an toàn vốn CAR riêng lẻ và hợp nhất áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 22/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

(**) Theo quy định Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của NHNN ngày 30/06/2024

(***) Theo quy định Thông tư số 22/2019/TT-NHNN của NHNN ngày 15/11/2019 và Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 của HDBank và Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 của HDBank. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán tại các BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đều là ý kiến chấp thuận toàn phần, cụ thể như sau:

3.1. BCTC năm 2024 đã kiểm toán

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC riêng: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC hợp nhất: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.”

3.2. BCTC năm 2025 đã kiểm toán

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC riêng: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC hợp nhất: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ thông qua

Bảng 52: Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2026	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Thu nhập lãi thuần (*)	44.758	28,81%
Lợi nhuận sau thuế	24.080	41,04%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần (*)	53,80%	9,49%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	26,55%	4,93%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	N/A	N/A

Nguồn: HDBank

(*) Là Thu nhập lãi thuần, số liệu cơ sở để HDBank tính toán các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tổng Giám đốc HDBank do HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

- Cơ sở để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2026:

HDBank xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng; gia tăng cho vay khách hàng trong hệ sinh thái, chủ yếu KHCN và SME, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
- Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ CASA để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;
- Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch vụ của HDBank, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi;
- Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu < 2%;
- Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động;
- Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.

- Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2026:
 - Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026 của ngân hàng;
 - Căn cứ nhu cầu nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng;
 - Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).

4.3. **Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của HDBank được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của HDBank nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động kinh doanh có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của HDBank, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 của HDBank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng hoạt động kinh doanh của HDBank, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của HDBank có thể thực hiện được, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của HDBank.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên Trái Phiếu

Tên Trái Phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 (HDBC7Y263301)

Mã Trái Phiếu: HDB126016

2. Loại Trái Phiếu

Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Mệnh giá Trái Phiếu

100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

4. Tổng số Trái Phiếu đăng ký niêm yết

22.822.000 (Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) Trái Phiếu.

5. Tổng giá trị Trái Phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá

2.282.200.000.000 VND (Hai nghìn hai trăm tám mươi hai tỷ hai trăm triệu đồng).

6. Kỳ hạn Trái Phiếu

07 (Bảy) năm.

7. Ngày phát hành Trái Phiếu

Ngày 20/03/2026.

8. Ngày đáo hạn Trái Phiếu

Ngày 20/03/2033.

9. Lãi suất Trái Phiếu

Lãi suất Trái Phiếu (“**Lãi Suất**”) là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%/năm (Hai phẩy năm phần trăm một năm)

Trong đó:

- “**Lãi Suất Tham Chiếu**” dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (Mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (“**website**”) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi Các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính;
- “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” có nghĩa là mỗi ngân hàng trong số 04 (Bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”);
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký

mua Trái Phiếu của Đợt chào bán; và (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó.

10. Kỳ trả lãi, gốc Trái Phiếu

10.1. Kỳ trả lãi

Áp dụng chung cho các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ 01 (Một) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025.

10.2. Kỳ trả gốc

Áp dụng chung cho các Trái Phiếu, Gốc được thanh toán 01 (Một) lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025.

11. Xếp hạng tín nhiệm

Không có.

12. Quyền của người sở hữu Trái Phiếu

12.1. Quyền cơ bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu. Các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm:

- a) Được HDBank thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền Gốc và tiền Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025 (trừ trường hợp HDBank được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn thanh toán lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của HDBank bị lỗ);
- b) Được tự do chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của mình (bao gồm nhưng không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật) và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm phù hợp với các quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025 và quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Được cấp trích lục Sổ Đăng Ký và/hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu nếu có yêu cầu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho HDBank làm thủ tục lưu ký tập trung;
- d) Có quyền yêu cầu xác nhận số dư Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký hoặc theo quy định của các thành viên lưu ký tại nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản chứng khoán;
- e) Có quyền yêu cầu HDBank giữ bí mật thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu (trong trường hợp các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu có sự tham gia, hỗ trợ từ HDBank hoặc HDBank nắm thông tin) trừ khi HDBank phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;

- f) Quyền khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây của HDBank, gọi chung là một “**Sự Kiện Vi Phạm**”:
- (i) Không Thanh Toán:
- Nếu HDBank không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền Gốc và/hoặc tiền Lãi của Trái Phiếu, và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (Mười) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác (trừ trường hợp HDBank được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn thanh toán lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của HDBank bị lỗ). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện HDBank theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác.
- (ii) Phá Sản, Giải Thể:
- Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với HDBank (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (Mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho HDBank và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.
- g) Được tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025;
- h) Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu và HDBank theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025;
- i) Các quyền khác theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025 và quy định của pháp luật.

12.2. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có sự thống nhất giữa HDBank, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu được HDBank chấp thuận hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức làm tổ chức đại diện cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (“**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**”) để giám sát

việc HDBank tuân thủ các cam kết tại Các Điều Khoản Trái Phiếu, bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo thỏa thuận với HDBank. HDBank đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (“SSI”) làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua và sở hữu Trái Phiếu, có tên trong Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương) (trước hoặc sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, tùy trường hợp áp dụng) hoặc nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo các cách khác nhau (sau thời điểm hoàn tất phát hành Trái Phiếu), chấp thuận việc chỉ định SSI làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

14. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn

14.1. Mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại là ngày tròn 02 (Hai) năm kể từ Ngày Phát Hành.

- a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điểm 14.1(c) dưới đây, HDBank có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại tương ứng với giá mua bằng mệnh giá Trái Phiếu.
- b) Trong trường hợp HDBank mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho HDBank và nhận được khoản tiền Gốc do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành. Kể từ Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác liên quan đến Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- c) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điểm 14.1 này, HDBank sẽ thông báo việc mua lại (“**Thông Báo Mua Lại**”) trên trang thông tin điện tử chính thức của mình ít nhất 15 (Mười lăm) ngày nhưng không sớm hơn 60 (Sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và quy chế của VSDC sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được Thông Báo Mua Lại của HDBank mà không do lỗi của HDBank và/hoặc VSDC hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho HDBank (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho HDBank và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

14.2. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận

Tại bất kỳ thời điểm nào, trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế của HNX

và/hoặc VSDC và vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, bên cạnh việc mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 14.1 nêu trên, HDBank có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào với điều kiện phải thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu trước tối thiểu 15 (Mười lăm) ngày tính đến ngày dự kiến mua lại Trái Phiếu trước hạn. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc bán lại Trái Phiếu của mình cho HDBank hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với cùng một điều kiện và theo tỷ lệ tương ứng với số tiền Gốc của Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ.

14.3. Mua lại Trái Phiếu bắt buộc khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm

Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào trong các Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Điểm 12.1(f) nêu trên diễn ra thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và HDBank bắt buộc phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.

15. Mục đích chào bán Trái Phiếu

HDBank dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ Đồng

Phương án sử dụng vốn dự kiến và thực tế của Đợt Chào Bán 1:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Dự kiến Quý II/2026	Số tiền thu được từ đợt chào bán	Thực tế đã sử dụng (tính đến ngày 10/04/2026)
1	Sản xuất kinh doanh	500	-	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	500	-	300
3	Tiêu dùng	1.000	-	894,6
4	Thương mại, dịch vụ	3.000	-	3.000
Tổng cộng		5.000	4.694,6	4.694,6

Phương án sử dụng vốn dự kiến của Đợt Chào Bán 2:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Dự kiến Quý III/2026 (*)	Dự kiến Quý IV/2026 (*)	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
4	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		2.500	2.500	5.000

(*) Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn sẽ theo thời gian kết thúc đợt chào bán thực tế.

Hội đồng Quản trị của HDBank giao cho Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định số tiền và thời gian giải ngân thực tế của từng Đợt chào bán đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào kết quả chào bán Trái Phiếu của từng Đợt chào bán tương ứng. Kế hoạch giải ngân thực tế sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo thực tế hoạt động, nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay nền kinh tế của HDBank.

16. Phương pháp tính giá

Trái Phiếu là loại trái phiếu có kỳ hạn, trả lãi định kỳ và có lãi suất thả nổi, theo đó lãi suất được điều chỉnh theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Thị giá hay giá của Trái Phiếu là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi dựa trên mối quan hệ cung cầu trên thị trường.

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó: PV: là Giá của Trái Phiếu.

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (Market Convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày T+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
4. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
5. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...);
6. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá Trái Phiếu.

Ví dụ minh họa:

Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu
- Ngày phát hành giả định: 20/03/2026
- Ngày đáo hạn giả định: 20/03/2033
- Lãi suất Trái Phiếu = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%/năm

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (Mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (“website”) của 04 (Bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại Ngày Xác Định Lãi Suất

- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày trả lãi đầu tiên (dự kiến): 20/03/2027
- Ngày định giá (ngày giao dịch đầu tiên dự kiến): 18/05/2026
- Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại: 07 kỳ
- Lãi suất Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ nhất (Năm 1) là 7,70% và giả định lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là 7,80%
- Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k) = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,00%/năm. Lãi Suất Tham Chiếu giả định tại ngày niêm yết là 5,20%/năm
- Cơ sở tính ngày (Day-count Convention): Actual/365

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giá sử tại ngày 18/05/2026, giá của Trái Phiếu là:

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7
	20/03/2027	20/03/2028	20/03/2029	20/03/2030	20/03/2031	20/03/2032	20/03/2033
Lãi suất coupon	7,70%	7,80%	7,80%	7,80%	7,80%	7,80%	7,80%
Dòng tiền lãi <i>$CF_i = \text{Mệnh giá} \times \text{số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi} / 365$</i>	7.700	7.821	7.800	7.800	7.800	7.821	7.800
Gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày nắm giữ	306	672	1.037	1.402	1.767	2.133	2.498
Lãi suất chiết khấu	6,20%	6,30%	6,30%	6,30%	6,30%	6,30%	6,30%
Giá trị hiện tại của dòng tiền lãi, gốc trái phiếu	7.321	6.989	6.557	6.168	5.803	5.473	70.963
Giá trái phiếu (VND)	109.275						

17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, Nhà Đầu Tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu
- Ngày phát hành giả định: 20/03/2026
- Ngày đáo hạn giả định: 20/03/2033
- Lãi suất Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ nhất (Năm 1) là 7,70% và giả định lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo giữ nguyên là 7,70%
- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày giao dịch đầu tiên dự kiến: 18/05/2026
- Giá giao dịch dự kiến: 110.000 VND/Trái Phiếu

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, nếu Nhà Đầu Tư giao dịch với giá 110.000 VND/Trái Phiếu và nắm giữ tới ngày đáo hạn thì Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn (YTM) sẽ được tính như sau:

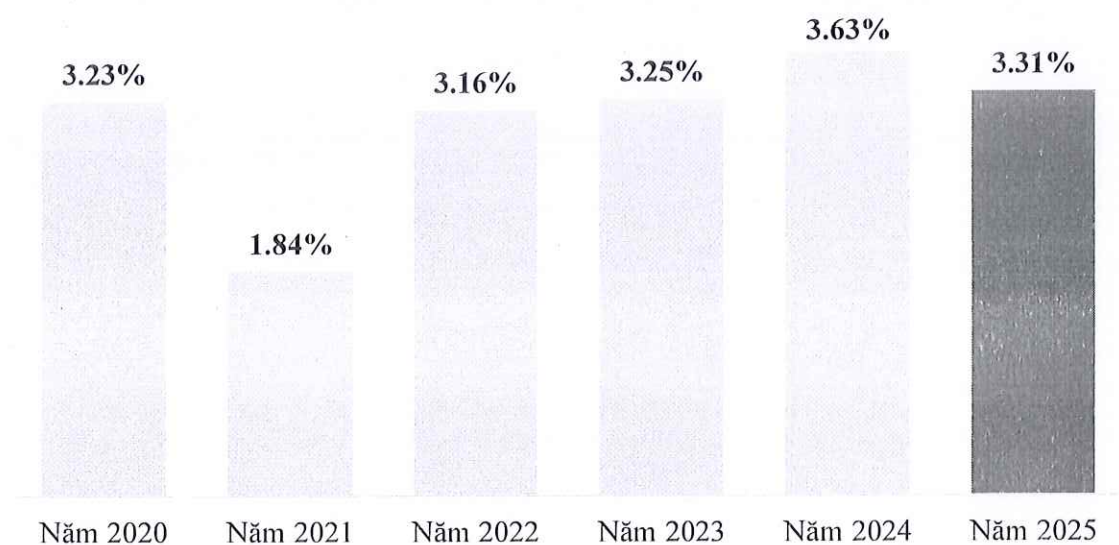
Kỳ	1	2	3	4	5	6	7
	20/03/2027	20/03/2028	20/03/2029	20/03/2030	20/03/2031	20/03/2032	20/03/2033
Lãi suất coupon	7,70%	7,70%	7,70%	7,70%	7,70%	7,70%	7,70%
Dòng tiền lãi <i>CF_i = Mệnh giá x số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi/365</i>	7.700	7.721	7.700	7.700	7.700	7.721	7.700
Gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày nắm giữ	306	672	1.037	1.402	1.767	2.133	2.498
YTM	6,09%						

18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu

Tỷ lệ lạm phát là chỉ tiêu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Lạm phát là sự tăng mức giá chung một cách liên tục của hàng hóa và dịch vụ theo thời gian và sự mất giá trị của một loại tiền tệ nào đó. Khi mức giá chung tăng cao, một đơn vị tiền tệ sẽ mua được ít hàng hóa và dịch vụ hơn so với trước đây, do đó, lạm phát phản ánh sự suy giảm sức mua trên một đơn vị tiền tệ. Do đó, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp và ổn định sẽ tạo ra các điều kiện cho chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Chỉ số giá tiêu dùng CPI – Consumer Price Index là chỉ số tính theo phần trăm phản ánh mức thay đổi của giá hàng tiêu dùng theo thời gian và được sử dụng phổ biến để đo lường sự thay đổi của mức giá, tức là lạm phát.

Theo số liệu của Cục Thống kê – Bộ Tài chính, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn kể từ năm 2020 tới nay duy trì ở mức ổn định, dao động quanh mức 3%. CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung. Việc duy trì tỷ lệ lạm phát ổn định trong những năm qua phản ánh hiệu quả của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong việc kiểm soát giá cả và ổn định kinh tế.

Hình 3: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2020 – 2025



Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại với hệ số lãi suất dựa trên lợi suất yêu cầu (lãi suất chiết khấu) là lãi suất thị trường kỳ vọng. Do đó, giá trị Trái Phiếu chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm xuống khi lãi suất thị trường tăng và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường trung bình sẽ có xu hướng tăng tương ứng, làm cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm, làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Như vậy, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn của Trái Phiếu không có diễn biến

bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình trạng lạm phát và lãi suất do một số nguyên nhân sau:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định hoặc xác định lãi suất 01 năm/lần sẽ giúp HDBank giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, NHNN và Chính phủ luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

19. Cam kết về bảo đảm

Không áp dụng.

20. Thông tin về các cam kết

HDBank cam kết:

- a) Thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Lựa chọn đại diện người sở hữu Trái Phiếu theo quy định;
- c) Không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- d) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- e) Thanh toán đầy đủ gốc, lãi Trái Phiếu, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư liên quan đến Trái Phiếu;
- f) Triển khai niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc Đợt chào bán và đảm bảo tuân thủ đúng thời hạn quy định hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu;
- g) Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Đợt chào bán theo quy định của pháp luật (nếu có);
- h) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình phát hành Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;
- i) Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025 và quy định của pháp luật;
- j) Giá trị Trái Phiếu dự kiến phát hành từng đợt theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu;
- k) Các nghĩa vụ và cam kết khác theo với quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025 và quy định của pháp luật.

21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Đối với Trái Phiếu do HDBank đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu và nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tùy

thuộc tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó, có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

22. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày công bố Bản Cáo Bạch này và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

22.1. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ Lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

22.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%; và
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

22.3. Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, Lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu Thuế giá trị gia tăng.

22.4. Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC và quy định tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ngày 22/12/2025 nếu không có mâu thuẫn.

Để làm rõ, khoản tiền mà HDBank sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lãi trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và HDBank không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ Chức Kiểm Toán

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024:

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 230 796

Website: www.pwc.com/vn

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 7105 0000

Website: www.deloitte.com/vn

2. Tổ Chức Tư Vấn, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 24 2897

Fax: (028) 38 24 2997

Website: www.ssi.com.vn

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VIII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Sổ đăng ký người sở hữu Trái Phiếu HDBC7Y263301 tại ngày 02/04/2026;
2. **Phụ lục II:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023;
3. **Phụ lục III:** Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay đổi ngày 12/02/2020, Quyết định số 4065/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/12/2025;
4. **Phụ lục IV:** Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
5. **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán;
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .15.. tháng .04. năm 2026.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HĐQT

Kim Byoung Ho

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Đăng

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Phạm Văn Đầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15. tháng 04 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI *dy*

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Thanh Hà